CHUYÊN MỤC ĐẦU TƯ

---------//---------

- Ø ***Tình hình đầu tư phát triển tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2011***
- Ø ***Đầu tư "khủng", thi công "rùa"***
- Ø ***Vẫn khổ vì "ma trận" thủ tục đầu tư***
- Ø ***Doanh nghiệp FDI và những vướng mắc liên quan đến thuế***
- Ø ***Quan điểm định hướng về thu hút và sử dụng ODA tại Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới***
- Ø ***Một số vấn đề liên quan đến cắt giảm đầu tư công***
- Ø ***Hệ lụy từ … EPC***
- Ø ***Tin vắn***

I, Tình hình đầu tư phát triển tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2011:

Theo Tổng Cục Thống Kê, tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện sáu tháng đầu năm 2011 theo giá thực tế ước tính đạt 409,7 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và bằng 38,3% GDP (Tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố tăng giá thì vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 6 tháng đầu năm 2011 chỉ bằng 92,1% cùng kỳ năm 2011), bao gồm vốn khu vực Nhà nước 141,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 34,4% tổng vốn và giảm 3%; khu vực ngoài Nhà nước 163 nghìn tỷ đồng, chiếm 39,8% và tăng 14,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 105,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 25,8% và tăng 3,1%.

Bảng 1: Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện sáu tháng đầu năm 2011

	Nghìn tỷ đồng	Cơ cấu (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	**409,7**	**100,0**	**105,0**
Khu vực Nhà nước	141,1	34,4	97,0
Khu vực ngoài Nhà nước	163,0	39,8	114,6
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	105,6	25,8	103,1

Nguồn: Tổng Cục Thống Kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kể từ đầu quý 2, công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực đầu tư được các ngành chức năng triển khai tích cực, đặc biệt là vốn ngân sách Nhà nước và vốn trái

phiếu Chính phủ. Thời gian qua các Bộ, ngành và địa phương đã và đang triển khai khẩn trương việc rà soát, cắt giảm và điều chuyển vốn đầu tư theo đúng tinh thần Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính Phủ, đồng thời tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư và duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý.

Đối với đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện sáu tháng đầu năm ước tính đạt 73,7 nghìn tỷ đồng, bằng 38,8% kế hoạch năm và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2010, gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 17,7 nghìn tỷ đồng, bằng 42,4% kế hoạch năm và tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Công Thương là 1612 tỷ đồng, bằng 39,5% và tăng 6,8%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 1912 tỷ đồng, bằng 52,1% và tăng 22,7%; Bộ Y tế 432 tỷ đồng, bằng 48,1% và tăng 3,9%; Bộ Xây dựng 242 tỷ đồng, bằng 24,7% và giảm 29,6%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 381 tỷ đồng, bằng 42,4% và tăng 2,7%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 260 tỷ đồng, bằng 46,6% và giảm 1,5%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 56 nghìn tỷ đồng, bằng 37,7% kế hoạch năm và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2010. Một số địa phương có khối lượng vốn đầu tư thực hiện lớn là: Hà Nội đạt 7444 tỷ đồng, bằng 37,1% kế hoạch năm và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2010; thành phố Hồ Chí Minh 6211 tỷ đồng, bằng 44% và tăng 12,5%; Đà Nẵng 3785 tỷ đồng, bằng 66% và tăng 3,6%; Thanh Hóa 2277 tỷ đồng, bằng 46,9% và tăng 11,9%; Quảng Ninh 2035 tỷ đồng, bằng 51,8% và tăng 6,4%; Cần Thơ 1596 tỷ đồng, bằng 57,1% và tăng 11,4%; Hậu Giang 1537 tỷ đồng, bằng 71,6% và tăng 10,9%.

Điểm đáng chú ý trong đầu tư 6 tháng đầu năm 2011 là việc cắt giảm đầu tư công với những kết quả ban đầu đã được ghi nhận. Theo Vụ trưởng Vụ Hệ thống tài khoản Quốc gia Hà Quang Tuyến dẫn số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng số vốn đầu tư các bộ, ngành, địa phương và các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cắt giảm trong năm 2011 là 80,55 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 9% tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2011.

Việc cắt giảm đầu tư công đã ảnh hưởng đến tổng vốn đầu tư thực hiện 6 tháng đầu năm giảm 7,9%, trong đó giảm lớn nhất là khu vực Nhà nước (đầu tư công) với mức giảm 20,8%, ông cho biết. Ngoài ra, việc tiết kiệm 10% chi thường xuyên 9 tháng còn lại trong dự toán năm 2011 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cũng được hạch toán với tổng số tiết kiệm là 3,8 nghìn tỷ đồng. Với số vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước 6 tháng ước đạt 73,7 nghìn tỷ đồng và tăng 8,6%

so với cùng kỳ, bà Hồ Thanh lưu ý rằng so với kế hoạch đặt ra, 6 tháng đầu năm mới đạt 38,8% so với kế hoạch là thấp hơn nhiều năm trước. “Tức là về mặt nguyên tắc, kể cả các dự án, công trình từ ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ cho đến các tập đoàn, tổng công ty thực hiện rất là nghiêm túc”, Vụ trưởng Thanh khẳng định.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Đỗ Thức nói thêm, mọi năm vốn từ nhà nước tăng rất nhanh. Năm nay, nếu loại trừ yếu tố giá, khối lượng đầu tư thực chất là giảm. “Thực hiện so kế hoạch là thấp, phải nói rõ điều này”, ông Thức nhấn mạnh. Đáng lưu ý hơn, những ước tính ban đầu về hiệu quả đầu tư sau loạt chính sách cắt giảm, đình hoãn, giãn tiến độ nhiều dự án cũng cho thấy dấu hiệu tốt hơn. Vụ trưởng Tuyến lưu ý rằng, để xác định hiệu quả đầu tư thì cần số liệu của 1 giai đoạn dài, do đầu tư luôn có yếu tố độ trễ về thời gian. Tuy nhiên, trong điều kiện số liệu 6 tháng chưa đầy đủ, có thể ước lượng hiệu quả đầu tư thông qua tỷ lệ đầu tư so với GDP và tốc độ tăng trưởng GDP. Theo vị này, tỷ lệ đầu tư so với GDP năm 2010 khoảng 45,6%, GDP tăng 6,18% nghĩa là để tăng 1 đồng GDP cần đầu tư 7,38 đồng. Còn 6 tháng năm 2011, tỷ lệ đầu tư so với GDP khoảng 38,3%, GDP tăng 5,57% nghĩa là chỉ cần đầu tư 6,9 đồng để tạo ra 1 đồng GDP. “Như vậy có thể thấy hiệu quả đầu tư đã được cải thiện”, ông Tuyến nói.

Dẫn một kết quả tính toán khác, ông Tuyến cũng lưu ý rằng đầu tư của khu vực nhà nước và FDI hiện nay là kém hiệu quả nhất, thể hiện qua hệ số ICOR của khu vực nhà nước là 10, khu vực FDI trên 9. Sáu tháng đầu năm 2011 đầu tư của 2 khu vực này đều giảm, chỉ khu vực ngoài nhà nước hiệu quả nhất là tăng. Do vậy, cũng có thể nhận thấy hiệu quả đầu tư chung của nền kinh tế tăng lên, ông Tuyến lưu ý thêm.

Tuy nhiên, nếu nhìn GDP dưới phương pháp sử dụng cuối cùng, khi tích lũy được hình thành từ nguồn vốn đầu tư thì việc cắt giảm đầu tư có nghĩa là giảm tích lũy và giảm tăng trưởng, ông Tuyến lý giải thêm về nguyên nhân giảm tăng trưởng 6 tháng năm 2011. Trong khi đó, một con số đáng quan tâm khác là bội chi ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2011 ước vào khoảng 30 nghìn tỷ đồng. Nếu so với GDP theo giá thực tế đạt gần 1070 nghìn tỷ đồng, con số trên chiếm khoảng 2,8%.

Bình luận về con số này, Vụ trưởng Tuyến cho rằng đây là mức thấp so với cùng kỳ các năm trước. “Cùng với việc thực hiện các chính sách thắt chặt tài khóa tại Nghị quyết 11 thì triển vọng giữ bội chi ngân sách dưới 5% GDP là hoàn toàn có thể đạt được”, ông Tuyến kỳ vọng.

Cũng trong 6 tháng đầu năm, do thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt nên khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp cũng khó khăn hơn, số doanh nghiệp mới đăng

ký cũng có chiều hướng giảm. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, trong sáu tháng đầu năm, cả nước có khoảng 39,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với tổng số vốn đăng ký ước đạt trên 230,2 nghìn tỷ đồng, bằng 95,3% về số doanh nghiệp đăng ký mới và bằng 87,2% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2010. Sự sụt giảm này là minh chứng rõ ràng cho thấy "sức sống" của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là khối dân doanh, đang yếu đi so với các năm trước. Diễn giải một cách khác, có thể thấy là bối cảnh kinh tế không thuận khiến cho nhiều người không dám mở doanh nghiệp, hoặc tạm ngừng ý định đó để chờ cơ hội thuận lợi hơn. Cũng cần nhắc lại là số lượng doanh nghiệp và lượng vốn đăng ký đã tăng liên tục trong nhiều năm qua. Năm ngoái, trong sáu tháng đầu năm đã có khoảng 41,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với tổng số vốn đăng ký là 250,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,25% về số lượng doanh nghiệp và tăng 27,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2009. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, sự tăng trưởng về số lượng doanh nghiệp mới cũng như lượng vốn đăng ký là tiêu chí thể hiện sự ổn định của nền kinh tế, đồng thời phản ánh niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư vào tiềm năng tăng trưởng. Đề cập vấn đề này trong phiên họp sáng 30/6 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Hà Văn Hiền, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội nói rằng một trong những lý do chính là hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do khó tiếp cận nguồn vốn ngân hàng và do lãi suất vay quá cao. "Qua giám sát của Ủy ban kinh tế, đa số các doanh nghiệp cho biết họ gặp nhiều khó khăn hơn các năm trước, cả về việc tiếp cận vốn cũng như chi phí vốn tăng quá cao, một số doanh nghiệp phải hoạt động cầm chừng hoặc ngừng hoạt động", ông Hiền cho biết.

Ủy ban Kinh tế cho rằng số vốn đăng ký của các doanh nghiệp đăng ký mới cả trong và ngoài nước đều giảm so với cùng kỳ 2010 không chỉ là một trong những nguyên nhân góp phần làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm 2011 mà còn có nguy cơ ảnh hưởng đến năm sau. Khảo sát thực tế của Ủy ban này cho thấy tại tỉnh Bắc Giang, từ đầu năm 2011 đến nay có 43 doanh nghiệp xin ngừng hoạt động, tăng so với con số 30 doanh nghiệp của năm 2010.

Tại tỉnh Bắc Ninh, 6 tháng đầu năm đã giải thể và thu hồi giấy chứng nhân đăng ký kinh doanh 44 doanh nghiệp. Trong khi đó, tại Hưng Yên, khảo sát của hiệp hội doanh nghiệp cho thấy, chỉ có 30% số doanh nghiệp tiếp cận được vốn và có thể tạm đáp ứng nhu cầu vay vốn để sản xuất kinh doanh. Bản báo cáo về một số ý kiến về tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm nay của Ủy ban cho biết ý kiến của chuyên gia trích dẫn thông tin từ ngành thuế cho thấy, từ đầu năm đến nay, ước có khoảng 30%

doanh nghiệp phá sản trong tổng số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh. Tại một cuộc họp mới đây, ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam cũng đã nêu vấn đề này và cho biết trong tổng số 580 nghìn doanh nghiệp đã đăng ký, số thực hoạt động chỉ từ 360 – 370.000 doanh nghiệp. “Có trên 30% doanh nghiệp không hoạt động, ngừng hoạt động hoặc chưa hoạt động vì nhiều lý do. Đây là số liệu rất quan trọng”, ông Lộc nói.

Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến 22/6/2011 đạt 5666,7 triệu USD, bằng 56,7% cùng kỳ năm 2010, bao gồm: Vốn đăng ký 4399,2 triệu USD của 455 dự án được cấp phép mới (giảm 49,9% về vốn và giảm 30,1% về số dự án so với cùng kỳ năm trước); vốn đăng ký bổ sung 1267,5 triệu USD của 132 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện sáu tháng đầu năm ước tính đạt 5300 triệu USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2010.

Trong số các ngành kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam sáu tháng đầu năm nay, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có số vốn đăng ký dẫn đầu với 3333,2 triệu USD, bao gồm 2666,7 triệu USD vốn đăng ký mới và 666,5 triệu USD vốn tăng thêm; ngành xây dựng đạt 474,8 triệu USD, bao gồm 333,2 triệu USD vốn đăng ký mới và 141,6 triệu USD vốn tăng thêm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đạt 322,7 triệu USD.

Sáu tháng đầu năm cả nước có 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép mới, trong đó thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về vốn đăng ký với 1422,7 triệu USD, chiếm 32,3% tổng vốn đăng ký; tiếp đến là Bà Rịa-Vũng Tàu 468,1 triệu USD, chiếm 10,6%; Hà Nội 427,1 triệu USD, chiếm 9,7%; Ninh Thuận 266 triệu USD, chiếm 6%; Bắc Giang 254,5 triệu USD, chiếm 5,8%; Đà Nẵng 239,6 triệu USD, chiếm 5,4%.

Trong số 35 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam sáu tháng đầu năm, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 1236,2 triệu USD, chiếm 28,1% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Đặc khu HC Hồng Công (TQ) 533,8 triệu USD, chiếm 12,1%; Hàn Quốc 376,7 triệu USD, chiếm 8,6%; Ma-lai-xi-a 346,6 triệu USD, chiếm 7,9%; Vương quốc Anh 329,8 triệu USD, chiếm 7,5%; Nhật Bản 303,2 triệu USD, chiếm 6,9%; Quần đảo Virgin thuộc Anh 261,8 triệu USD, chiếm 6%.

Phụ lục 1

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2011 THEO NGÀNH

Tính từ 01/01/2011 đến 22/06/2011

TT	Ngành	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	CN chế biến,chế tạo	205	2,666.67	106	666.5	3,333.21
2	Xây dựng	54	333.18	6	141.6	474.82
3	Dvụ lưu trú và ăn uống	6	148.87	1	208.0	356.88
4	Cấp nước;xử lý chất thải	2	322.71			322.71
5	KD bất động sản	9	275.26	2	30.0	305.26
6	SX,pp điện,khí,nước,đ.hòa	1	266.00			266.00
7	Bán buôn,bán lẻ;sửa chữa	65	169.17	2	3.5	172.67
8	Nghệ thuật và giải trí	2	0.16	1	138.2	138.34
9	HĐ chuyên môn, KHCN	59	73.30	3	11.2	84.46
10	Nông,lâm nghiệp;thủy sản	9	11.59	5	62.7	74.32
11	Y tế và trợ giúp XH	2	40.00			40.00
12	Vận tải kho bãi	6	37.60			37.60
13	Khai khoáng	2	31.40			31.40
14	Thông tin và truyền thông	23	13.27	4	3.7	16.92
15	Dịch vụ khác	2	6.41	2	2.1	8.46
16	Giáo dục và đào tạo	5	3.09			3.09
17	Hành chính và dvụ hỗ trợ	3	0.53			0.53
	Tổng số	**455**	**4,399.20**	**132**	**1,267.5**	**5,666.67**

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2011 THEO HÌNH THỨC
Tính từ 01/01/2011 đến 22/06/2011

TT	Hình thức đầu tư	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	100% vốn nước ngoài	361	3,557.75	120	997.7	4,555.47
2	Đầu tư theo BOT, BT, BTO					
3	Liên doanh	92	834.46	7	262.1	1,096.53
4	Cổ phần	2	6.99	5	7.7	14.67
5	Hợp đồng hợp tác kinh doanh					
	Tổng số	**455**	**4,399.20**	**132**	**1,267.5**	**5,666.67**

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2011 THEO ĐỐI TÁC
Tính từ 01/01/2011 đến 22/06/2011

TT	Đối tác	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	Singapore	43	1,236.24	6	89.3	1,325.57
2	Hàn Quốc	124	376.74	30	296.9	673.62
3	Hồng Kông	18	533.77	10	98.0	631.80
4	Nhật Bản	86	303.25	23	163.7	466.92
5	Malaysia	11	346.62	4	72.5	419.15
6	Vương quốc Anh	7	329.75			329.75
7	BritishVirginIslands	10	261.78	5	30.1	291.88
8	Samoa	1	250.00	1	2.0	252.00
9	Thụy Sỹ	2	32.00	2	215.1	247.10
10	Đài Loan	27	203.06	22	35.2	238.30

11	Hoa Kỳ	13	19.39	4	135.1	154.49
12	Síp	2	142.90	1		142.90
13	Australia	6	60.91	3	21.4	82.26
14	Hà Lan	7	41.75	3	37.7	79.47
15	Trung Quốc	31	26.81	6	29.5	56.30
16	Canada	8	41.70			41.70
17	Thái Lan	11	30.75	3	8.3	39.03
18	CHLB Đức	5	34.52	1	0.7	35.25
19	Pháp	6	18.44	2	14.8	33.22
20	Brunei	4	33.03			33.03
21	Bỉ	2	24.70			24.70
22	Liên bang Nga	2	15.10			15.10
23	Belize	1	12.00	1	3.0	15.00
24	ấn Độ	9	11.19			11.19
25	Thụy Điển	1	0.05	1	6.0	6.05
26	Tây Ban Nha	4	4.35			4.35
27	Mauritius	1	2.00	1	2.2	4.20
28	Bungary			1	4.0	4.00
29	Hungary			1	1.9	1.85
30	Indonesia	2	1.50			1.50
31	Philippines	3	1.33			1.33
32	Cộng hòa Séc	2	1.25			1.25
33	Campuchia	1	1.00			1.00
34	Đan Mạch	2	0.57			0.57
35	Rumani	1	0.50			0.50
36	Luxembourg	1	0.20			0.20
37	Cayman Islands			1	0.1	0.09
38	Na Uy	1	0.06			0.06
	Tổng số	**455**	**4,399.20**	**132**	**1,267.5**	**5,666.67**

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2011 THEO ĐỊA PHƯƠNG
Tính từ 01/01/2011 đến 22/06/2011

TT	Địa phương	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
1	TP Hồ Chí Minh	124	1,422.72	7	48.8	1,471.52
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	12	468.11	4	32.0	500.11
3	Hà Nội	108	427.14	20	71.3	498.47
4	Đà Nẵng	9	239.57	3	184.0	423.57
5	Đồng Nai	16	135.42	27	244.4	379.79
6	Bình Dương	38	214.84	31	162.2	377.09
7	Ninh Thuận	1	266.00			266.00
8	Bắc Giang	3	254.50	1	1.7	256.20
9	Hải Dương	12	213.16	7	22.0	235.18
10	Hải Phòng	10	37.55	6	197.3	234.83
11	Kiên Giang	2	18.02	1	208.0	226.03
12	Quảng Nam	3	146.27			146.27
13	Bắc Ninh	21	89.54	2	2.4	91.94
14	Hà Tĩnh	2	77.50	1	3.2	80.74
15	Long An	34	52.10	3	6.6	58.69
16	Hưng Yên	7	46.92	3	2.5	49.43
17	Ninh Bình			1	46.1	46.06
18	Thanh Hóa	4	39.95			39.95
19	Vĩnh Phúc	4	16.98	4	16.0	32.98
20	Tây Ninh	3	22.00	3	9.0	31.00
21	Bình Thuận	7	26.87	1		26.87
22	Bình Phước	6	25.92			25.92
23	Cần Thơ	2	22.13	1		22.13
24	Thái Bình	1	22.00			22.00

25	Quảng Ninh	1	20.72			20.72
26	Bến Tre	1	19.51			19.51
27	Hà Nam	1	13.00	1	1.1	14.10
28	Khánh Hòa	1	13.22			13.22
29	Thừa Thiên-Huế	1	8.20	1	4.0	12.20
30	Nghệ An	1	11.60			11.60
31	Tiền Giang	2	2.75	2	4.0	6.75
32	Phú Thọ	1	5.30			5.30
33	Bình Định	1	5.00			5.00
34	Nam Định	2	4.15			4.15
35	Sơn La	1	2.76			2.76
36	Lâm Đồng	3	1.80	2	0.8	2.60
37	Trà Vinh	3	2.60			2.60
38	Yên Bái	1	1.83			1.83
39	Bạc Liêu	2	0.58			0.58
40	Hòa Bình	1	0.50			0.50
41	Phú Yên	3	0.50			0.50
	Tổng số	**455**	**4,399.20**	**132**	**1,267.5**	**5,666.67**

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI NĂM 2010 THEO VÙNG
Tính từ 01/01/2011 đến 22/06/2011

TT	Địa phương	Số dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (triệu USD)	Số lượt dự án tăng vốn	Vốn đăng ký tăng thêm (triệu USD)	Vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm (triệu USD)
I	***Đồng bằng sông Hồng***	***166***	***870.43***	***44***	***358.70***	***1,229.13***
1	Hà Nội	108	427.14	20	71.33	498.47
2	Vĩnh Phúc	4	16.98	4	16.00	32.98
3	Bắc Ninh	21	89.54	2	2.40	91.94

4	Hải Dương	12	213.16	7	22.02	235.18
5	Hải Phòng	10	37.55	6	197.28	234.83
6	Hưng Yên	7	46.92	3	2.51	49.43
7	Thái Bình	1	22.00			22.00
8	Hà Nam	1	13.00	1	1.10	14.10
9	Nam Định	2	4.15			4.15
10	Ninh Bình			1	46.06	46.06
II	***Đông Bắc***	***6***	***282.35***	***1***	***1.70***	***284.05***
11	Hà Giang					
12	Cao Bằng					
13	Bắc Cạn					
14	Tuyên Quang					
15	Lào Cai					
16	Yên Bái	1	1.83			1.83
17	Thái Nguyên					
18	Lạng Sơn					
19	Quảng Ninh	1	20.72			20.72
20	Bắc Giang	3	254.50	1	1.70	256.20
21	Phú Thọ	1	5.30			5.30
III	***Tây Bắc***	***2***	***3.26***			***3.26***
22	Điện Biên					
23	Lai Châu					
24	Sơn La	1	2.76			2.76
25	Hòa Bình	1	0.50			0.50
IV	***Bắc Trung Bộ***	***8***	***137.25***	***2***	***7.24***	***144.48***
26	Thanh Hóa	4	39.95			39.95
27	Nghệ An	1	11.60			11.60
28	Hà Tĩnh	2	77.50	1	3.24	80.74
29	Quảng Bình					
30	Quảng Trị					

31	Thừa Thiên-Huế	1	8.20	1	4.00	12.20
V	***Duyên hải Nam Trung Bộ***	***17***	***404.56***	***3***	***184.00***	***588.56***
32	Đà Nẵng	9	239.57	3	184.00	423.57
33	Quảng Nam	3	146.27			146.27
34	Quảng Ngãi					
35	Bình Định	1	5.00			5.00
36	Phú Yên	3	0.50			0.50
37	Khánh Hòa	1	13.22			13.22
VI	***Tây Nguyên***	***3***	***1.80***	***2***	***0.80***	***2.60***
38	Kon Tum					
39	Gia Lai					
40	Đắc Lắc					
41	Đắc Nông					
42	Lâm Đồng	3	1.80	2	0.80	2.60
VII	***Đông Nam Bộ***	***207***	***2,581.87***	***73***	***496.42***	***3,078.29***
43	Ninh Thuận	1	266.00			266.00
44	Bình Thuận	7	26.87	1		26.87
45	Bình Phước	6	25.92			25.92
46	Tây Ninh	3	22.00	3	9.00	31.00
47	Bình Dương	38	214.84	31	162.24	377.09
48	Đồng Nai	16	135.42	27	244.38	379.79
49	Bà Rịa-Vũng Tàu	12	468.11	4	32.00	500.11
50	TP Hồ Chí Minh	124	1,422.72	7	48.80	1,471.52
VIII	***Đồng bằng sông Cửu Long***	***46***	***117.68***	***7***	***218.60***	***336.29***
51	Long An	34	52.10	3	6.59	58.69
52	Tiền Giang	2	2.75	2	4.00	6.75
53	Bến Tre	1	19.51			19.51
54	Trà Vinh	3	2.60			2.60
55	Vĩnh Long					
56	Đồng Tháp					

57	An Giang					
58	Kiên Giang	2	18.02	1	208.01	226.03
59	Cần Thơ	2	22.13	1		22.13
60	Hậu Giang					
61	Sóc Trăng					
62	Bạc Liêu	2	0.58			0.58
63	Cà Mau					
IX	***Dầu khí***					
	Tổng số	**455**	**4,399.20**	**132**	**1,267.46**	**5,666.67**

Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài

II, Đầu tư 'khủng', thi công 'rùa'

Hạ tầng luôn là điểm nghẽn của nền kinh tế, làm giảm sức hấp dẫn và hiệu quả của môi trường đầu tư. Trong khi Chính phủ quyết tâm cải tạo hạ tầng bằng nhiều nguồn, thì người dân cứ "dài cổ" ngóng chờ bởi tiến độ những dự án trọng điểm đều chậm như rùa.

Một loạt thông tin xấu về tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia vừa mới được cập nhật. Cuối tháng trước, người ta giật mình với thực trạng của thi công tại Cảng Vân Phong. Được kỳ vọng sẽ trở thành cảng nước sâu của Việt Nam, góp phần quyết định trong việc giải tỏa ách tắc hàng hóa xuất nhập khẩu tại các cảng hiện nay; hơn thế, Vân Phong sẽ hướng tới phát triển thành một cảng trung chuyển quốc tế, đưa Việt Nam góp mặt vào bản đố các thương cảng lớn của thế giới.

Nhưng sau cả năm trời khởi công, nơi đây chưa có động thái thi công nào đáng kể. Nhiệm vụ quan trọng, mong ước lớn lao nhưng Vân Phong vẫn chỉ tồn tại là một vịnh nước sâu nhiều tiền năng mà người ta chưa thấy hình hài một thương cảng.

Trong khi đó, mới đây nhất, thông báo từ chủ đầu tư cho biết, đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Binh sẽ không thể hoàn thành đúng tiến độ dù đã được gia hạn ít nhất 3 lần. Thậm chí, cả phương án cấp cứu là thông xe tạm một phần đường, kết nối vào hệ thống giao thông cũ để giảm tải cho quốc lộ 1A cũng thất bại vì tiến độ hiện nay cũng không thể đáp ứng phương án cấp cứu đơn giản nhất.

Vì thế, quốc lộ 1A vẫn tiếp tục quá tải còn các DN và người dân thì tiếp tục chờ với niềm tin: kiểu gì cũng sẽ có thêm mấy chục km đường cao tốc trong tương lai... chưa xác định.

Còn ở phía Nam, cây cầu Đồng Nai vốn nổi tiếng với sự xuống cấp, quá tải và những tai nạn thảm khốc. Vì thế, dự án xây cầu mới đã được gấp rút triển khai. Những tưởng, với sự bức xúc của thực tế và yêu cầu phát triển thì cây cầu này sẽ được đẩy nhanh tiến độ và nhanh chóng hoàn thành. Tuy nhiên, thông tin mới nhất là sẽ bị chậm tiến độ.

Đây thực sự là những câu chuyện không mới nhưng mỗi lần đọc nó người ta không giấu nổi thất vọng vì việc chậm tiến độ đã là chuyện "thường" ở Việt Nam. Các thống kê hàng năm về đầu tư đều cho thấy, có hàng trăm và thậm chí hàng ngàn công trình bị chậm tiến độ không chỉ gây ra lãng phí, giảm hiệu quả đầu tư, tác động gây ra lạm phát và đang nói nhất là chậm tiến độ nên các công trình này sẽ không thể đóng góp để nâng cao năng lực của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng như mục tiêu ban đầu.

Nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với một số điểm nghẽn lâu năm như: trình độ nguồn nhân lực, thủ tục hành chính và cơ sở hạ tầng... Tại rất nhiều diễn đàn phát triển, các hội nghị xúc tiến đầu tư, Chính phủ Việt Nam đã thừa nhận và cho biết đang rất nỗ lực để giải quyết những điểm tắc nghẽn này để tạo ra động lực mới cho tăng trưởng mạnh mẽ và hiệu quả hơn. Thực tế, Chính phủ đã dồn sức đầu tư rất lớn cho phát triển hạ tầng cả bằng nguồn vốn nhà nước, vốn vay và huy động các nguồn xã hội hóa khác.

Nhưng dù đổ nhiều tiền nhưng hiệu quả vẫn chưa được như mong đợi. Thậm chí, càng quyết tâm và kỳ vọng vào một công trình nào đó nhiều khi lại rơi vào những thất vọng liên tiếp vì liên tục chậm tiến độ và trễ hẹn.

Sự kém hiệu quả trong đầu tư của Việt Nam không chỉ gây ra lãng phí, tiêu cực mà còn làm xói mòn niềm tin của nhà đầu tư, DN và người dân khi các mục tiêu đề ra được thực hiện không phải lúc nào cũng như lời nói.

Điều lo ngại là, lúc thường, các dự án đã có đủ thứ lý do để lý giải cho việc chậm tiến độ, kém hiệu quả thì trong hoàn cảnh thắt chặt đầu tư công và khó khăn chung của nền kinh tế lại càng có thêm lý do để bao biện cho sự yếu kém của mình. Và có lẽ còn lâu tình trạng này mới chấm dứt.

Chính vì thế, để có thể tạo sự đột phá trong giải tỏa điểm nghẽn hạ tầng, cần có một một cuộc rà soát lại các dự án đầu tư để có biện pháp tập trung đầu tư dứt

điểm cho các dự án quan trọng và cấp bách. Đi kèm đó là phải làm tốt công tác giám sát từ khâu chuẩn bị cho đến thi công.

Có những tiêu chuẩn vàtiêu chí rõ ràng để dễ dàng trong việc chọn lựa, đầu tư và xử lý đối các sai phạm. Chúng ta có quyết tâm cao trong đầu tư và đã thể hiện điều đó bằng việc dồn vốn và triển khai hàng loạt công trình nhưng có vẻ như quyết tâm đó cần được đảm bảo bằng việc triển khai một cách nhanh chóng và chất lượng nhất. Điều đó cần một cơ chế giám sát tốt và một chế tài mạnh để giải quyết điểm nghẽn gây chậm trễ trong các dự án thì mới mong giải quyêt được điểm nghẽn của nền kinh tế.

Nguồn: Lê Khắc trên vef.vn

III, Vẫn khổ vì "ma trận" thủ tục đầu tư:

Đã có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh nhưng thủ tục hành chính về đầu tư, đất đai, xây dựng vẫn còn phức tạp và kéo dài. Không ít trường hợp nhà đầu tư mất nhiều năm để hoàn thành các quy trình thủ tục làm lãng phí thời gian, tiền bạc, công sức và nản lòng…

Ngày 28/6/2011, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) tổ chức tọa đàm "Cải cách quy trình thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng và cải thiện môi trường kinh doanh cấp tỉnh: các thực tiến tốt và khả năng áp dụng".

Tại diễn đàn này, bà Phạm Ngọc Linh, chuyên gia tư vấn của IFC cho biết, hiện doanh nghiệp phải thực hiện rất nhiều thủ tục để có được giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng... khi bắt đầu cũng như trong quá trình mở rộng sản xuất, kinh doanh. Để thực hiện các thủ tục này, họ phải trải qua hàng chục quy trình thủ tục hành chính và phải làm việc với chính quyền từ trung ương tới địa phương cùng các cơ quan chức năng. Nhà đầu tư tìm đất ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế còn phải trải qua quá trình giải phóng mặt bằng nên thời gian triển khai dự án dễ có nguy cơ bị trì hoãn.

Với những trở ngại đó, nhà đầu tư tốn kém nhiều thời gian trong việc phải đi lại nhiều lần đến các cơ quan nhà nước có liên quan để hoàn tất thủ tục. Thời gian hoàn tất thủ tục thường kéo dài nhiều khi làm họ nản lòng hoặc lỡ mất cơ hội kinh doanh.

Ngoài ra, nhiều trường hợp nhà đầu tư còn phải liên hệ với nhiều đơn vị khác nhau của cùng một cơ quan để được cung cấp thông tin, hướng dẫn, giải trình thêm

về hồ sơ đã nộp hoặc nhận kết quả… Thông thường, họ phải chuẩn bị nhiều hồ sơ hơn cần thiết để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan nhà nước.

Theo một nhà đầu tư, kết thúc 9 quy trình, họ đã phải chuẩn bị và nộp 62 loại hồ sơ cho các cơ quan quản lý nhà nước. Trong đó, có 63% hồ sơ phải chuẩn bị mới, 26% bị trùng lặp (có hồ sơ phải nộp lặp lại đến 4 lần) và 11% hồ sơ là kết quả của thủ tục hành chính đã hoàn thành trước đó.

Như vậy, nhà đầu tư phải thực hiện gần chục quy trình thủ tục "mẹ" và một loạt quy trình thủ tục "con" để có đủ các loại quyết định và giấy phép cần thiết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi triển khai dự án. Họ phải trực tiếp đến xin ý kiến của từng cơ quan liên quan và chính quyền xã, huyện trước khi nộp hồ sơ đến sở xây dựng (cơ quan có thẩm quyền thụ lý), thực chất là đang thực hiện những quy trình thủ tục "con". Hệ quả là nhà đầu tư phải đồng thời đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi khác nhau của từng cơ quan, làm kéo dài thêm thời gian không cần thiết.

Sự bất cập thể hiện ở chỗ: nhà đầu tư phải tìm hiểu rất kỹ yêu cầu của cơ quan thụ lý hồ sơ thủ tục về việc cần ý kiến của những cơ quan liên quan nào và ý kiến như thế nào; phải trực tiếp đến làm việc với từng cơ quan liên quan để có được ý kiến theo đúng yêu cầu của cơ quan thụ lý hồ sơ. Theo ý kiến đưa ra tại diễn đàn trên, cách làm này sẽ không khuyến khích được sự chia sẻ thông tin cần thiết giữa các cơ quan nhà nước cũng như tạo điều kiện cho những yêu cầu tùy tiện của cán bộ thụ hồ sơ. Việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước là cần thiết và góp phần tạo một nền nếp tốt phục vụ công tác kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư của các cơ quan liên quan.

Một thực tế nữa là cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đều lúng túng trong việc xác định trình tự và thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng có liên quan. Các luật điều chỉnh các loại thủ tục này không xác định rõ ràng khi nào bắt đầu thực hiện thủ tục có liên quan trong quá trình chuẩn bị dự án đầu tư, cũng như trình tự và trật tự thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan của cả quá trình đầu tư. Hiện tượng phân tán, chồng chéo, trùng lặp và mâu thuẫn giữa các văn bản hướng dẫn pháp luật có liên quan về cùng một vấn đề cũng là một vướng mắc cần tháo gỡ.

Với thực trạng này, ông Nguyễn Đình Cung, Phó viện trưởng CIEM nhận định: Số lượng giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng... sẽ tỷ lệ thuận với tốc độ gia tăng đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất của doanh nghiệp. Do đó, quy trình thủ tục đầu tư, đất đai và xây dựng rõ ràng, cụ thể, minh bạch, công bằng và dự liệu trước được luôn là điều kiện quan trọng khuyến

khích và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nói riêng, phát triển kinh tế địa phương và quốc gia nói chung.

Vì vậy, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính vẫn là yêu cầu hàng đầu trong cải thiện môi trường kinh doanh quốc gia và các địa phương. Về lâu dài, những khó khăn, bất cập về thủ tục hành chính phải được giải quyết một cách đồng bộ và có hệ thống trên phạm vi cả nước.

Nguồn: www.vneconomy.vn

IV, Doanh nghiệp FDI và những mắc mớ liên quan đến thuế:

DN FDI thì cho rằng còn một số vướng mắc về thuế cần sửa đổi nhưng ở góc độ cơ quan quản lý Bộ Tài chính cũng sửa đổi Luật quản lý thuế nhằm tránh hiện tượng chuyển giá.

Bên nào cũng có lý nhưng điều quan trọng là phải có sự lắng nghe của hai bên để tìm được tiếng nói chung.

Những thắc mắc từ DN

Đại diện Cty ôtô Hyundai Vietnam cho biết: “Theo quy định, hàng hoá xuất khẩu được áp thuế GTGT 0% nên ngân sách phải khấu trừ thuế GTGT đầu vào cho DN. Tuy nhiên, nhiều loại hàng hoá, dịch vụ cũng là đầu vào để làm ra hàng xuất khẩu như chi phí DN phải bỏ ra để thuê nhà, thuê xe ôtô đưa - đón người lao động.... lại không được cơ quan thuế khấu trừ tiền thuế GTGT đầu vào với lý do những loại chi phí này nằm ngoài hàng rào nhà máy”.

Đại diện một DN sản xuất, lắp ráp ôtô khác có vốn đầu tư nước ngoài tại VN là Cty ôtô Daewoo Vidamco lại cho rằng, một số quy định về thuế nhập khẩu đối với linh kiện, chi tiết, phụ tùng ôtô hiện nay không phù hợp với thực tế. Theo quy định hiện hành, linh kiện, phụ tùng, chi tiết ôtô được coi là CKD (được hưởng mức thuế nhập khẩu ưu đãi) phải bảo đảm thân rời từng mảng, chưa hàn tán, chưa sơn tĩnh điện...

“Trong một bộ linh kiện ôtô có hàng trăm, hàng ngàn chi tiết, trong đó có một vài chi tiết vì vấn đề kỹ thuật không thể bảo đảm về độ rời rác như quy định vì thế cả bộ linh kiện không được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi như nhập khẩu CKD là chưa phù hợp” - đại diện Daewoo Vidamco phản ánh.

Trong khi đó, nhiều DN FDI khác lên tiếng về chính sách thuế GTGT áp dụng với hàng hoá, khuyến mãi, hàng hoá mang tính chất là tiền thưởng được DN áp dụng

đối với đại lý bán hàng cho họ. “Chúng tôi đang áp dụng chính sách thưởng bằng hiện vật cho đại lý bán hàng theo hình thức, cứ đại lý tiêu thụ được 10 sản phẩm sẽ được DN thưởng 1 sản phẩm hoặc bán với giá khuyến mãi (thấp hơn giá thị trường) 1-2 sản phẩm. Tuy nhiên, khi tính thuế GTGT, cơ quan thuế vẫn lấy giá thị trường để xác định thuế GTGT đối với sản phẩm khuyến mãi, sản phẩm thưởng cho đại lý”, đại diện một DN FDI chuyên sản xuất điều hoà nhiệt độ lên tiếng.

Sửa luật thuế để chống chuyển giá

Trước tình trạng một số vụ DN thực hiện thủ thuật chuyển giá để trốn thuế đã bị xử lý như 17 DN FDI sản xuất, kinh doanh, chế biến chè tại Lâm Đồng.

Bộ Tài chính cũng đã công khai danh sách 82 DN thuộc diện phải thanh tra thuế do có những dấu hiệu bất thường về DN và lợi nhuận trong năm 2010. Các DN này bao gồm cả DN FDI và DN trong nước. Những dấu hiệu của DN được xếp vào danh sách này là lỗ lũy kế liên tục trong 3 năm, hoặc lỗ đến âm vốn.

Tình trạng này dẫn đến nhiều ý kiến cho rằng, việc chống chuyển giá hiện nay vẫn chưa được thực hiện triệt để một phần do khuôn khổ pháp lý chưa đủ mạnh. Luật quản lý thuế quy định cơ quan thuế có quyền ấn định thuế khi người nộp thuế: “Mua, bán, trao đổi và hạch toán giá trị hàng hoá, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường”.

Mặc dù, quy định này không chỉ rõ các nội dung và chế tài cụ thể, nhưng cũng tạo ra căn cứ pháp lý nhất định để xử lý vấn đề chuyển giá.

Hiện tại, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 66/2010/TT-BTC hướng dẫn việc xác định giá thị trường trong các giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết. Thông tư này thay Thông tư 117/2995/TT-BTC. Theo đó, có 5 phương pháp xác định giá thị trường là: phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập; phương pháp giá bán lại; phương pháp giá vốn cộng lãi; phương pháp so sánh lợi nhuận; phương pháp tách lợi nhuận.

Thông tư này được đánh giá là giúp thêm các cán bộ ngành thuế có công cụ để đánh giá và xử lý các DN thực hiện chuyển giá.

Để mạnh tay hơn với những hành vi chuyển giá, Bộ Tài chính đang xây dựng phương án sửa Luật quản lý thuế theo hướng tập trung xử lý các hành vi gian lận thuế và chuyển giá. Dự kiến, tháng 10/2011, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế sẽ được trình và chờ thông qua ở kỳ họp Quốc hội tháng 5/2012.

Giải pháp tình thế cho các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực lắp ráp ô tô:

Đây hiện cũng đang là vấn đề nóng đối với nhiều doanh nghiệp otô, chúng tôi xin trích dẫn trao đổi với Thứ trưởng Bộ Tài Chính Đỗ Hoàng Anh Tuấn:

- Thưa ông, theo Thông tư 184, nếu linh kiện nhập khẩu ôtô không đảm bảo mức độ rời rạc thì phải áp thuế suất của xe nguyên chiếc. Do không đạt tiêu chí này, công ty Ford Việt Nam đã bị ấn định hàng tỷ đồng tiền thuế. Vì sao hôm 21/6, Bộ Tài chính lại ra chỉ đạo áp thuế có lợi cho doanh nghiệp, không đúng với Thông tư 184?

Ông Đỗ Hoàng Anh Tuấn: Cái gốc vấn đề ở đây là do chính sách của mình chưa đồng bộ, chưa được cập nhật. Một chiếc xe ôtô có hàng nghìn linh kiện, hàng trăm bộ linh kiện, cụm linh kiện.

Đối với xe nguyên chiếc, ta đánh 83% thuế nhập khẩu, thuế cho cụm linh kiện cũng bị đánh giá, với linh kiện rời thì đánh thuế thấp hơn, phần lớn chỉ dưới 30%. Để đánh thuế theo loại nào hàng nào thì Bộ Tài chính căn cứ vào tiêu chí ở Quyết định 05 của bộ KHCN về độ rời rạc của bộ linh kiện.

Thế nhưng, Quyết định 05 đó được ban hành từ năm 2005, tức được nghiên cứu từ năm 2004. Đã 6 năm rồi, độ rời rạc linh kiện ôtô bấy giờ khác với bây giờ, giống như lúc ấy là tiêu chuẩn khí thải Euro 1, 2, giờ đã là tiêu chuẩn Euro 3, 4 rồi.

Ví như cái ống xả, ngày xưa là 3-4 đoạn gọi là rời rạc, nay nhập về ống xả chỉ có 2 đoạn thôi. Doanh nghiệp không thể tháo rời ra để đảm bảo độ rời rạc như xưa bởi vì nó liên quan đến tiêu chuẩn hóa toàn cầu của hãng ôtô. Hoặc ví dụ như gương ôtô, ngày trước không có gắn với đèn xi-nhan, giờ một số hãng lại có, hoặc chi tiết kính trượt, ghế, mức độ rời rạc đã khác trước.

Nếu giờ, toàn bộ lô hàng chi tiết nhập về mà chỉ cần có cái ống xả không đạt độ rời rạc như Quyết định 05 của Bộ KH&CN, áp dụng đúng quy định hiện hành về thuế thì sẽ không chỉ có linh kiện ống xả bị áp thuế 83% mà tất cả các linh kiện, cụm linh kiện khác cũng bị áp thuế 83%. Trong khi đó, cái ống xả chỉ chiếm chưa đến 1% trong lô hàng đó.

Vì lẽ đó, khi áp dụng chính sách trên, rất nhiều doanh nghiệp ôtô đã có lời kêu từ cuối năm ngoái. 5 tháng đầu năm nay, ngoài Ford, còn có cả Toyota, Vidamco đều vướng vào việc này. Đến giờ phút này, các Bộ chưa kiểm tra hết song tính ra, số thuế chênh lệch phải truy thu của các doanh nghiệp do không đáp ứng mức độ rời rạc của linh kiện ôtô là mấy chục tỷ đồng. Nếu kiểm tra xong thì có khi, toàn thể ngành ôtô sẽ bị vướng vào khó khăn này.

Tới nay, tôi có thể khẳng định, Vidamco và Tổng công ty Công nghiệp ôtô Việt Nam đang ngừng hoạt động, không dám sản xuất chỉ vì chính sách trên. Chúng ta đứng trước một bài toán hoặc là để doanh nghiệp đóng cửa hết, hoặc là doanh nghiệp tiếp tục sản xuất kinh doanh.

Quan điểm của Bộ Tài chính là phải để cho doanh nghiệp tiếp tục hoạt động, khoản thuế chênh lệch bị ấn định sẽ tạm treo rồi chờ ý kiến sửa quyết định 05 của Bộ KH&CN.

- Thưa ông, như vậy tạm hiểu rằng, Bộ Tài chính đang tự làm trái thông tư 184 do chính mình ban hành và không dựa theo tiêu chí độ rời rạc linh kiện theo Quyết định 05 trong khi, 2 văn bản này vẫn đang có hiệu lực?

Trước khi có chỉ đạo tháo gỡ cho doanh nghiệp như vậy, chúng tôi đã phải tham vấn, lắng nghe ý kiến của rất nhiều bên như Bộ KH&CN, Bộ GTVT, Bộ Công Thương và cả ý kiến các địa phương và doanh nghiệp.

Trên thực tế, khi doanh nghiệp kêu khó khăn, các bộ mới bắt đầu đi kiểm tra, sau đó đã thống nhất là một là sẽ sửa Quyết định 05, hai là sau đó, chính sách áp thuế sẽ vận hành theo sự sửa đổi, bổ sung Quyết định 05.

Bộ KH&CN đã khẳng định quan điểm này bằng văn bản với chúng tôi. Bộ cũng đã nói qui định về độ rời rạc đó là không cập nhật nữa rồi. Tôi cho việc sửa này là hợp lý. Luật bình thường của ta, như là Luật Ngân sách 4-5 năm là phải sửa rồi, huống chi đây lại là tiêu chuẩn khoa học kỹ thuật, giờ đã bất cập.

Vấn đề đặt ra cho chúng tôi là trong 5 tháng đầu năm, trước khi Bộ KH&CN ra ý kiến chốt lại việc sửa Quyết định 05 thì những trường hợp nhập linh kiện ôtô không đúng với độ rời rạc như Quyết định 05 thì xử lý như thế nào?

Bộ Tài chính đã đồng tình phương án là, nếu Bộ KH&CN sau khi kiểm ra, vẫn giữ quan điểm qui định độ rời rạc của linh kiện như Quyết định 05 hiện nay, phải áp thuế linh kiện bằng thuế xe nguyên chiếc 83% thì chúng tôi sẽ truy thuế tất cả các doanh nghiệp, còn nếu Bộ KH&CN cho rằng vì chính sách chưa cập nhật, phải chấp nhận những phát sinh trên thực tế đặt ra và sẽ phải sửa qui định đó, Bộ Tài chính sẽ đề nghị không áp mức thuế 83% nữa. Tuy nhiên, theo thẩm quyền, chúng tôi sẽ trình lên Thủ tướng để Thủ tướng quyết định.

- Vậy, ông lý giải ra sao về tinh thần chỉ đạo siết chặt việc nhập khẩu linh kiện ôtô theo văn bản ngày 1/6, trước khi có chủ trương nới lỏng cho doanh nghiệp chỉ có 20 ngày?

Báo chí có đặt ra là liệu, Bộ Tài chính có 2 văn bản như vậy có bất nhất không? Văn bản đầu tiên, ngày 1/6, tôi chỉ đạo áp dụng đúng theo Quyết định 05. Lúc đó, chúng tôi chưa đánh giá được hết tình hình, bộ KHCN cũng chưa có ý kiến gì về sự thiếu cập nhật của Quyết định 05.

Giờ, đến giờ phút, các doanh nghiệp bảo đã phải đóng cửa, chúng tôi mới thấy cái nguy là nếu không gỡ ra, hoạt động sản xuất ôtô bị đình trệ hết. Bấy giờ, chúng tôi thấy rõ sự bất cập chính sách của mình. Vidamco đóng cửa rồi. Tổng công ty Công nghiệp ôtô Việt Nam đóng cửa rồi. Giờ còn Toyota, còn Ford và thực tế là cứ kiểm tra đến đâu là sẽ đóng cửa đến đấy.

Vì lẽ đó, ở văn bản thứ 2, 21/6, bản chất không phải là chỉ đạo trái ngược lại. Chúng tôi chỉ đạo vẫn là theo Quyết định 05 về mức độ rời rạc, nhưng để sản xuất không đình trệ thì cứ cho doanh nghiệp thông quan, lắp ráp bình thường, tiền thuế đó tạm thời treo nợ.

Làm thế, không phải Bộ Tài chính xóa nợ, ưu đãi gì thuế cho doanh nghiệp, vì chúng tôi vẫn yêu cầu doanh nghiệp phải cam kết khi nào cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định cuối cùng thì doanh nghiệp tuân thủ theo kết luận đó. Việc này của Bộ Tài chính là nhằm để làm sao, mấy nghìn công nhân các doanh nghiệp có việc làm đã, để việc sản xuất kinh doanh bình thường đã.

Chỉ đạo của chúng tôi tháo gỡ cho doanh nghiệp là biện pháp tình thế trong lúc chờ ý kiến của Bộ KH&CN về sửa đổi Quyết định 05 quy định độ rời rạc của linh kiện ôtô. Đó cũng không phải là sự nới lỏng chính sách thuế mà đó là tinh thần trách nhiệm của cơ quan chức năng đối với doanh nghiệp vướng mắc về chính sách.

Trong công văn 101/CV-FVL gửi tới báo VietNamNet ngày 4/7, Công ty Ford Việt Nam cho rằng, ngày 11/5/2005, Bộ KH&CN ban hành Quyết định 05 về phương pháp xác định tỷ lệ nội địa hóa đối với ôtô. Mục tiêu duy nhất của Quyết định này là hướng dẫn phương pháp tính tỷ lệ nội địa hóa, không nhằm mục đích tính thuế đối với linh kiện nhập khẩu.
Tại thời điểm được ban hành, Quyết định 05 là tương đối phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh tại thị trường. Tuy nhiên đến nay, cùng với quá trình phát triển của ngành sản xuất ôtô trên thế giới nói chung và của ngành ôtô tại Việt Nam nói riêng, một số yêu cầu về độ rời rạc của Quyết định 05 không còn phù hợp với thực tế.
Ngày 15/11/2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 184 qui định về biểu thuế xuất nhập khẩu có hiệu lực từ 1/1/2011 tham chiếu Quyết định 05 để tính áp thuế linh kiện ôtô. Vì mục đích của Quyết định 05 và Thông tư 184 là khác nhau nên việc Thông tư 184 tham chiếu Quyết định 05 đã gây ra một số bất cập cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp ôtô tại Việt Nam.
Do vậy, "chúng tôi và VAMA đang đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét ban hành các qui định phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ôtô. Trong thời gian chờ đợi, các cơ quan thẩm quyền ở Việt Nam đã cho phép doanh nghiệp lắp ráp sản xuất ôtô tạm thời tính thuế theo từng linh kiện nhập khẩu", công văn viết.

Nguồn: Phạm Huyền trên vef.vn, cafef.vn

V, Quan điểm định hướng về thu hút và sử dụng ODA tại Việt Nam trong giai đoạn mới:

1, Định hướng ưu tiên ODA:

Việt Nam đang bước sang giai đoạn phát triển mới với tư cách là quốc gia có mức thu nhập trung bình. Thực tế này đang đòi hỏi phải có một bước chuyển trong định hướng thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong thời gian tới.

Đây là vấn đề mà cả Việt Nam và các đối tác phát triển sẽ quan tâm, bàn thảo tại Hội nghị giữa kỳ Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG), diễn ra trong hai ngày 8-9/6/2011 tại Hà Tĩnh.

Trong suốt 10 năm qua, ODA đã hỗ trợ tích cực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và xóa đói giảm nghèo tại. Việt Nam đã giảm được tỷ lệ hộ nghèo từ 53% năm 1993 xuống 10% vào năm ngoái. Dù thu nhập đã cải thiện, nhưng người dân Việt Nam còn nghèo, vì thế, định hướng thu hút và sử dụng ODA thời gian tới vẫn cần ưu tiên vào lĩnh vực này. Vấn đề đặt ra là phải làm sao để tập trung hơn cho xóa đói, giảm nghèo một cách bền vững hơn.

Tương tự như vậy, vốn ODA vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng phải được tập trung ưu tiên cho các công trình hạ tầng cơ sở quan trọng hàng đầu của đất nước và phải được sử dụng hiệu quả hơn.

Tiến độ giải ngân nguồn vốn ODA trong lĩnh vực này cũng phải được đẩy nhanh hơn, để tránh lãng phí, nhất là đối với các dự án trong lĩnh vực giao thông.

Ngoài kết cấu hạ tầng, Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 của đất nước cũng đã vạch ra đột phá chiến lược về thể chế và chất lượng nguồn nhân lực. Vì vậy, vốn ODA cần được ưu tiên để giúp Việt Nam thực hiện tốt các đột phá chiến lược này.

Thêm nữa, Việt Nam được xác định là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu. Đây là lĩnh vực rất cần sự hỗ trợ và hợp tác quốc tế, trong đó ODA là nguồn vốn quan trọng.

Hy vọng rằng, Hội nghị CG giữa kỳ họp tại Hà Tĩnh lần này, với các chương trình khảo sát thực tế tại địa phương, sẽ có thêm cơ sở để tạo sự đồng thuận giữa Chính phủ và các đối tác phát triển trong việc xác định lĩnh vực ưu tiên, cũng như các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA.

2, Sẽ mở rộng phạm vi thu hút vốn ODA:

Từ năm 1993 đến nay, các nhà tài trợ đa phương, song phương và các tổ chức phi chính phủ đã cam kết tài trợ cho Việt Nam 56,4 tỷ USD.

Trao đổi với phóng viên Báo Đầu tư trước thềm Hội nghị giữa kỳ Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (Hội nghị CG giữa kỳ), tổ chức trong 2 ngày 8-9/6/2011, tại Hà Tĩnh, Thứ trưởng thường trực Bộ Kế hoạch và Đầu tư CAO VIẾT SINH cho biết, Việt Nam đang tích cực chuẩn bị cho việc thu hút và sử dụng vốn ODA để phù hợp với tình hình mới.

Thưa Thứ trưởng, Việt Nam đã gia nhập nhóm nước có mức thu nhập trung bình,vì vậy từ nay trở đi, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) sẽ có những thay đổi về quy mô, cơ cấu và các điều kiện cho vay. Chính phủ Việt Nam có đặt ra vấn đề thay đổi định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA cho phù hợp với tình hình mới?

Từ năm 1993 đến nay, các nhà tài trợ đa phương, song phương và các tổ chức phi chính phủ đã cam kết tài trợ cho Việt Nam 56,4 tỷ USD. Những năm qua, mức tài trợ ngày càng tăng, từ mức chỉ có 1,8 tỷ USD cam kết trong năm 1993, đã nâng lên trên 8 tỷ USD trong năm 2009 và 7,9 tỷ USD trong năm 2010. Nhưng khi Việt Nam đã gia nhập nhóm nước có mức thu nhập trung bình, thì hình thức viện trợ sẽ thay đổi. Trước đây, tỷ lệ viện trợ không hoàn lại cao, nhưng giờ, tỷ lệ cho vay sẽ tăng. Nội dung viện trợ thay đổi, cấu trúc nguồn vốn ODA cũng thay đổi. Ngay trong nguồn vốn vay, cơ cấu vay cũng khác, phần vốn kém ưu đãi (OCR, IBRD) sẽ tăng lên nhiều hơn.

Chính phủ Việt Nam nhận thức rất sâu sắc về vấn đề đó và chúng tôi đang hoàn tất Đề án thu hút và sử dụng vốn ODA cho 5 năm tới để phù hợp với tình hình mới.

Mục tiêu thu hút và sử dụng vốn ODA trong 5 năm tới sẽ được xây dựng theo hướng nào, thưa Thứ trưởng?

Nhu cầu vốn đầu tư của Việt Nam trong 5 năm tới là khá lớn, lên tới khoảng 290-300 tỷ USD. Cùng với vốn ngân sách nhà nước, vốn huy động từ khu vực tư nhân trong và ngoài nước, chúng tôi vẫn mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các nhà tài trợ cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng tôi đã xác định 3 đột phá trong thời gian tới là phát triển cơ sở hạ tầng, hoàn thiện thể chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ trong ba lĩnh vực này. Bên cạnh đó, các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu cũng là những lĩnh vực ưu tiên.

Trong Đề án thu hút và sử dụng vốn ODA thời gian tới, mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng, chúng tôi cũng quan tâm tới việc mở rộng phạm vi thu hút, không chỉ gồm ODA theo nghĩa truyền thống, mà cả nguồn vốn kém ưu đãi hơn của các nhà tài trợ; vừa bảo đảm "cung - cầu" hợp lý về ODA của các nhà tài trợ, cũng như nhu cầu của phía Việt Nam. Đồng thời, chúng tôi đưa ra những nguyên tắc hợp lý về phân bổ các nguồn vốn một cách hiệu quả dựa trên lợi thế phân công lao động và sự bổ trợ dựa trên lợi thế so sánh giữa các nguồn vốn ODA.

Một trong những vấn đề lớn ảnh hưởng đến hiệu quả của các dự án ODA là sự chậm trễ trong triển khai dự án. Chính phủ và các nhà tài trợ sẽ khắc phục nhược điểm này như thế nào?

Đúng là hiện nay, tiến độ thực hiện của nhiều dự án ODA vẫn còn rất chậm. Đây là một khó khăn cần phải khắc phục nhanh chóng. Do bị trì hoãn quá lâu, trong khi chi phí liên tục tăng cao, nên tổng mức đầu tư tại một số dự án ODA đã tăng lên so với dự toán ban đầu khá lớn. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng chậm trễ này, nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng nhất là sự chậm trễ trong khâu chuẩn bị và phê duyệt dự án. Quá trình phê duyệt và thành lập các ban quản lý dự án, hoàn thành các thủ tục giữa hai bên mất khá nhiều thời gian, có khi kéo dài 2-4 năm. Ngoài ra, còn có vấn đề liên quan đến năng lực ban quản lý dự án, cũng như cách tiếp cận theo chương trình. Đây là vấn đề mới mà năng lực quản lý chưa theo kịp.

Để khắc phục tình trạng này, theo tôi, cần có sự nỗ lực từ hai phía, cả cơ quan Nhà nước Việt Nam và các nhà tài trợ. Việc hài hòa các thủ tục và lợi ích của cả hai bên là rất quan trọng. Là cơ quan điều phối nguồn vốn ODA, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các cơ quan liên quan, các nhà tài trợ, trong những năm qua, đã liên tục tổ chức các cuộc họp để tìm cách tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các dự án. Các hoạt động này, trong thời gian tới, sẽ tiếp tục được thực hiện nghiêm túc và đẩy mạnh hơn nữa, nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án ODA.

Hội nghị giữa kỳ năm nay được tổ chức ở miền Trung, một trong những khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhất cả nước. Đây liệu có phải là cơ hội để thu hút thêm nguồn vốn ODA vào khu vực này, thưa Thứ trưởng?

Thực tế, trong những năm qua, nguồn vốn ODA đã hỗ trợ rất nhiều cho sự phát triển của các tỉnh như Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình và Quảng Trị. Phần lớn nguồn vốn đó tập trung vào xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn và xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhờ có sự hỗ trợ của nguồn vốn ODA, một số tỉnh như Hà Tĩnh và Nghệ An đã có những bước phát triển đột phá về kinh tế, cơ sở hạ tầng và thu hút được sự chú ý

của các nhà đầu tư nước ngoài. Các tập đoàn lớn trên thế giới như Formosa (Đài Loan) và Kobecol Steel (Nhật Bản) đã đầu tư vào đây, trong khi đó Tập đoàn Tata (Ấn Độ) cũng có những bước chuẩn bị cho một dự án lớn tại khu vực.

Tôi cũng đồng ý rằng, việc tổ chức Hội nghị CG giữa kỳ tại Hà Tĩnh lần này là một cơ hội để giúp các nhà tài trợ hiểu hơn về khu vực Bắc Trung Bộ, một trong những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhưng lại phải đối phó với biến đổi khí hậu, thiên tai triền miên, từ đó có thể có thêm những hỗ trợ quý giá cho các địa phương này.

3, Tăng minh bạch trong sử dụng ODA:

Đánh giá cao thành tích giảm nghèo của Việt Nam, song ông Christophe Bahuet, Phó giám đốc Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam cho rằng, Việt Nam cần thu gọn các chương trình giảm nghèo, minh bạch trong sử dụng vốn và thay đổi hình thức giải ngân.

Ông bình luận thế nào về hiệu quả sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong giảm nghèo ở Việt Nam?

Các cơ quan thuộc Liên hợp quốc và các nhà tài trợ đã đồng hành, hỗ trợ Việt Nam giảm nghèo suốt 20 năm qua.

Năm 2011, dù kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, nhưng các nhà tài trợ vẫn cam kết cho Việt Nam vay tới 7,88 tỷ USD. Điều đó đã khẳng định một phần hiệu quả sử dụng vốn ODA của Việt Nam. Đặc biệt, với việc hoàn thành Các mục tiêu Thiên niên kỷ về giảm nghèo, Việt Nam đã tạo dựng được sự tin tưởng của các nhà tài trợ.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc điều hành các chính sách để đảm bảo an sinh xã hội. Những biến động về kinh tế vĩ mô, đặc biệt là tình hình lạm phát cao, đang tạo thêm gánh nặng đối với người nghèo. Dù tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đáng kể, nhưng Việt Nam vẫn còn 3 triệu hộ nghèo và 1,6 triệu hộ cận nghèo.

Vậy theo ông, Việt Nam cần làm gì trong thiết kế, điều chỉnh các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội?

Chính phủ Việt Nam đang hoàn thiện Đề án An sinh xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Việc thiết kế lưới an sinh xã hội để có thể bao phủ tất cả các đối tượng yếu thế trong xã hội cùng với hệ thống bảo trợ xã hội hiện có là những thách thức lớn, nhưng là việc cần phải làm để hướng đến mục tiêu đạt mức thu nhập bình quân đầu người 3.000 USD/năm vào năm 2020. Tuy nhiên, cần đặc biệt lưu ý nhóm dân tộc thiểu số.

Mới đây, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết 80/NQ-CP về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 - 2020. Ông bình luận gì về vấn đề này?

Nghị quyết 80/NQ-CP đã thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc tập trung nguồn lực đầu tư một cách hiệu quả cho các huyện, xã, thôn, bản nghèo nhất, từ các chương trình, chính sách giảm nghèo đặc thù, đến các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án ODA khác. Nghị quyết đã chuyển dần hướng đi từ riêng lẻ, chắp vá sang một hệ thống chính sách giảm nghèo mang tính thường xuyên, toàn diện và có độ bao phủ cao.

Tôi cho rằng, nỗ lực đó đã khắc phục được tình trạng phân tán nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo và tăng được trách nhiệm giải trình trong thiết kế, đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách giảm nghèo của từng cơ quan chuyên môn. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao hơn, cần có những chuyển đổi về năng lực tổ chức thực hiện.

Định hướng của UNDP cũng như của các tổ chức quốc tế khác trong việc hỗ trợ Việt Nam giảm nghèo thời gian tới sẽ như thế nào?

Trong giai đoạn tới, UNDP và các đối tác sẽ tiếp tục đối thoại với các bộ, ngành về định hướng phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo. Chúng tôi cam kết tiếp tục hỗ trợ việc thiết kế, đánh giá, thực hiện các chương trình giảm nghèo. Tuy nhiên, Việt Nam cần cải thiện các hình thức giải ngân, tăng cường minh bạch, chuyển giao vốn hỗ trợ giảm nghèo đến tận tay người dân và chính quyền thôn, bản.

Nguồn: baodautu.vn và cafef.vn

VI, Một số vấn đề liên quan đến cắt giảm đầu tư công:

Ngày 21-6, Bộ KH-ĐT có báo cáo tình hình triển khai, phân bổ và rà soát, cắt giảm, điều chuyển vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 11 của Chính phủ gửi Ủy ban Kinh tế của Quốc hội. Theo đó, tính đến ngày 10-6-2011, Bộ KH-ĐT đã nhận được báo cáo rà soát, cắt giảm, điều chuyển vốn của 57/60 bộ ngành trung ương và 61/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Qua báo cáo của các bộ ngành, địa phương cho thấy, dù triển khai theo đúng tinh thần nghị quyết của Chính phủ nhưng nhiều bộ, ngành, địa phương vẫn còn băn khoăn, chần chừ trong việc cắt giảm, đình hoãn các dự án khởi công mới. Theo Bộ KH-ĐT, các bộ, ngành, địa phương đã cắt giảm, điều chuyển vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2011 của 2.048 dự án với số vốn 5.556,4 tỷ đồng. Trong đó, 1.145 dự án khởi công mới với số vốn hơn 3.149 tỷ đồng; cắt giảm, điều chuyển vốn của 903 dự án chuyển tiếp với số

vốn hơn 2.406 tỷ đồng. Với các bộ, ngành trung ương, đã cắt giảm, điều chuyển, đình hoãn 280 dự án với số vốn hơn 1.115 tỷ đồng. Số vốn này được bổ sung để tăng vốn cho 283 dự án với số vốn 868 tỷ đồng. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do chần chừ nên chỉ mới thực hiện cắt giảm, điều chuyển, đình hoãn 1.768 dự án với số vốn là 4.440 tỷ đồng. Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi xin đưa ra một số quan điểm khác nhau từ một số đối tượng khá nhau:

1, IMF đưa ra một số khuyến nghị liên quan đến đầu tư công tại Việt Nam:

Trưởng đại diện Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tại Việt Nam, ông Benedict Bingham tin tưởng, những định hướng nêu trong Nghị quyết 11/NQ-CP sẽ sớm phát huy hiệu quả trong việc bình ổn kinh tế vĩ mô. Trong khuôn khổ Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ giữa kỳ (CG) diễn ra tại Hà Tĩnh ngày 9/6, ông trả lời báo giới về một số vấn đề xung quanh nghị quyết 11

Ông đánh giá thế nào về việc thực hiện nghị quyết 11?

Việc áp dụng nghị quyết 11 đã giúp bình ổn tỷ giá tiền đồng, Ngân hàng Nhà nước đã đang tích lũy được thêm dự trữ ngoại tệ.

Thị trường đặt câu hỏi liệu các nỗ lực này có được duy trì. Thị trường kỳ vọng nghị quyết 11 sẽ được duy trì cho đến khi tình hình kinh tế vĩ mô ổn định.

Triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam ra sao?

Trên phương diện kinh tế vĩ mô có thể thấy lạm phát đang hạ nhiệt. Ai cũng phải thừa nhận dự trữ đang tăng lên, tương đương 1,5 tháng nhập khẩu; dù sao vẫn ở mức quá thấp. Thị trường đang kỳ vọng chính sách tiền tệ được định hướng để trong những năm tới dự trữ ngoại tệ sẽ lên mức cao hơn.

Chính phủ đang đưa ra tuyên bố rõ ràng trong ngắn hạn thế nhưng thị trường cần cam kết về chính sách sẽ được duy trì dài hơn cho đến khi tình hình vĩ mô thực sự ổn định. Tôi nghĩ điều đó quan trọng nhất.

Tất cả những điều ông muốn nói trên đây có phải về nghị quyết 11 hay việc áp dụng chính sách nào khác?

Nghị quyết 11 đã bao gồm tất cả những điểm quan trọng nhất, định hướng thực của chính sách tiền tệ đối với ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng thực của chính sách tài khóa và cải tổ trong lĩnh vực nhà nước để giúp lĩnh vực này mạnh hơn và lĩnh vực ngân hàng nhờ vậy cũng vững vàng hơn.

Một số điểm của nghị quyết 11 thực sự thực tế và có khả năng thực hiện được, xét trên phương diện chính sách tiền tệ. Còn về chính sách tài khóa và chính sách đối với doanh nghiệp, người ta đang chờ đợi các thông báo cụ thể hơn để chắc chắn nghị quyết đang được thực thi. Ngân hàng Nhà nước cần nhận thêm được sự hỗ trợ từ bên cấp cao hơn về việc nghị quyết 11 sẽ được duy trì.

Thị trường chờ đợi chứ không hẳn chỉ đặt câu hỏi rằng để giảm được thâm hụt ngân sách, cần tăng nguồn thu, quan trọng nhất cần phải chú trọng đến đầu tư công.

Ông có thể nói cụ thể hơn về việc chú trọng hơn đến đầu tư công?

Có thể tóm tắt một số điểm như sau: Việt Nam cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, hệ sống an sinh xã hội. Tất cả nhóm lĩnh vực này đóng vai trò cực kỳ quan trọng với sự phát triển của Việt Nam trong vòng 10 năm tới.

Cùng lúc đó, cần chắc chắn rằng nợ công vẫn trong tầm kiểm soát. Làm sao để thực hiện tốt cả hai mục tiêu này? Chính phủ sẽ cần tăng thêm nguồn thu thế nhưng câu trả lời chính đến từ cấu trúc của chi tiêu công để đảm bảo chi tiêu đúng mục tiêu ưu tiên.

Chẳng ai muốn đầu tư vào đường sá, đại học … ngưng lại. Như vậy sẽ là thất bại. Thế nhưng để làm được việc này, cần giảm bớt chi tiêu vào một số lĩnh vực kém ưu tiên hơn và kém hiệu quả và chi tiêu cho lĩnh vực quan trọng hơn.

Việt Nam cần các hình thức đầu tư chất lượng để đảm bảo đầu tư vào cầu cảng, đường sá, giáo dục…tất cả những yếu tố giúp cho hoạt động đầu tư hiệu quả, quan trọng với sự phát triển kinh tế lâu dài mà không khiến nợ tăng lên.

Đình Hảo – Khánh Linh
Lược ghi từ Hội nghị CG 2011 tại Hà Tĩnh

2, Cắt giảm đầu tư công cần đi kèm tìm nguồn vốn bù đắp:

Khi kiềm chế lạm phát là mục tiêu ưu tiên hàng đầu, thì việc giảm đầu tư công là động thái trước tiên, vấn đề đặt ra là chúng ta cần giải quyết nguồn vốn bù đắp.

Đầu tư là yếu tố vật chất trực tiếp quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường. Đồng thời, đầu tư cũng là yếu tố tiềm ẩn của lạm phát.

Trong kinh tế thị trường, Nhà nước đã rút dần vai trò đầu tư trực tiếp vào sản xuất kinh doanh, mà chủ yếu tạo thành nguồn vốn mồi có tác động kéo các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác đầu tư theo; trực tiếp đầu tư vào những ngành,

những lĩnh vực, những vùng mà các nhà đầu tư tư nhân, các nhà đầu tư nước ngoài không muốn đầu tư.

Khi kiềm chế lạm phát là mục tiêu ưu tiên hàng đầu, thì tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GDP thường cũng phải giảm theo; trong đó đầu tư công sẽ phải được cắt giảm trước nhất. Hơn nữa cắt giảm đầu tư công còn là tiền đề để giảm bội chi ngân sách, mà bội chi ngân sách cũng là yếu tố trực tiếp làm tăng lạm phát.

Thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ, việc cắt giảm đầu tư công đã được rà soát với mức dự kiến lên đến trên 10%.

Thực tế vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước 5 tháng đầu năm theo ước tính của Tổng cục Thống kê chỉ tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước; nếu loại trừ yếu tố tăng giá tthì còn giảm sâu hơn.

Theo Nghị quyết phiên họp thường kỳ tháng 5/2011 của Chính phủ (Nghị quyết 83), tăng trưởng GDP cả năm được điều chỉnh là 6%, với tốc độ tăng giá tiêu dùng là 15%. Tỷ lệ tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GDP năm 2011 sẽ bị giảm so với năm trước (năm trước là 41,9%, quý I năm nay ước chỉ đạt 38,8%, khả năng cả năm còn thấp hơn nữa). Tỷ trọng vốn đầu tư thuộc khu vực nhà nước trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cũng sẽ bị giảm (năm 2010 là 36,1%, khả năng cả năm nay do được cắt giảm mà tỷ trọng sẽ thấp hơn, thậm chí có thể còn thấp hơn tỷ trọng 33,9% của năm 2009).

Tuy nhiên, có 3 vấn đề đặt ra

Thứ nhất, cắt giảm đầu tư công nhưng không cực đoan, nhất là những dự án đầu tư phát triển xã hội; bảo vệ và cải thiện môi trường, đầu tư vào vùng sâu vùng xa, đầu tư cho việc xóa đói, giảm nghèo,…

Thứ hai, khi đầu tư công giảm, đối với những dự án đầu tư quan trọng, cấp thiết, thì phải có chính sách thu hút các nguồn vốn khác tăng lên để bù đắp. Trong các nguồn vốn này, thì việc thu hút vốn đầu tư của khu vực ngoài Nhà nước, thông qua chính sách xã hội hóa, thông qua phương thức đầu tư công - tư, các dự án BOT, BT,… Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) năm nay giải ngân tăng khá - vấn đề là nghiên cứu để chuyển chức năng thực hiện, trách nhiệm trả nợ, mở rộng cho doanh nghiệp tư nhân tham gia,… Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) năm nay tuy giảm về lượng vốn đăng ký, nhưng có khả năng tăng về lượng vốn thực hiện. Nguồn vốn đầu tư gián tiếp (FII) có khả năng vào nhiều hơn ra khi giá chứng khoán giảm mạnh, khi giá bất động sản giảm xuống,…

Thứ ba, trong điều kiện kiềm chế lạm phát là mục tiêu ưu tiên, thì nâng cao hiệu quả đầu tư có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về cả 2 mặt. Một mặt, hiệu quả đầu tư thấp là nguyên nhân quan trọng nhất, là yếu tố tiềm ẩn của lạm phát. Mặt khác, nâng cao hiệu quả đầu tư trên cơ sở đầu tư tập trung không dàn trải, đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm thiểu lãng phí, thất thoát, đẩy nhanh việc đưa công trình vào sử dụng,… vừa có tác dụng kiềm chế lạm phát, vừa phù hợp với mục tiêu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế.

Theo **Ngọc Minh**
Chinhphu.vn

3, Đầu tư công đe dọa lạm phát:

Nếu thực hiện nghiêm Nghị quyết 11 thì có thể giữ lạm phát trong vòng 15-16%. Nhưng nếu sơ hở, nhất là trong cắt giảm đầu tư công, lạm phát có thể lên đến 20%.

Phải chờ đến tháng cuối tháng 6, khi kết quả thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ rõ nét hơn, mới có thể dự báo chính xác về lạm phát. Cách đây khoảng một tháng, các nhà quản lý cũng như nhiều chuyên gia kinh tế, tài chính đã nhận xét như vậy. Lúc này đã bước sang nửa cuối tháng 6, song các dự báo vẫn khá dè dặt và giờ đây trọng tâm lại dồn vào cắt giảm đầu tư công.

Đầu tư công trở thành tâm điểm kiềm chế lạm phát

Bản chất của lạm phát là sự vênh nhau giữa tiền và hàng, trong đó tiền nhiều hơn hàng. Do đó, cắt giảm cung tiền thông qua siết chặt tín dụng hay chi tiêu công là một biện pháp giúp giảm cung tiền, kiểm soát lạm phát.

Sau hơn 4 tháng triển khai Nghị quyết 11, chính sách tiền tệ đã có chuyển biến tích cực. Cái được lớn nhất là bước đầu kiểm soát được thị trường ngoại tệ, tỉ giá giữa thị trường chính thức và phi chính thức tạm cân bằng. Hệ thống ngân hàng đã an toàn hơn trong khi lãi suất có dấu hiệu hợp lý hơn. Dự trữ ngoại tệ cũng được cải thiện, với việc tăng hơn 1,2 tỉ USD, theo con số được công bố ở phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5.2011.

Tuy nhiên, các chuyên gia lại có cái nhìn khắt khe hơn về cắt giảm đầu tư công, khi cho rằng chưa thực sự hiệu quả. Chính vì vậy mà các dự báo cũng dè dặt hơn. Tiến sĩ Cao Sỹ Kiêm, thành viên Hội đồng Tư vấn Chính sách Tài chính Tiền tệ Quốc gia, cho rằng lạm phát tháng 6 sẽ giảm hơn tháng 5 và còn giảm tiếp. Nhưng quý 4, do tăng cường sản xuất cuối năm và Tết Nguyên đán nên áp lực lạm phát sẽ lớn hơn.

“Nếu thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 11, mức lạm phát 15-16% là có thể đạt được. Nhưng nếu sơ hở trong thực hiện các biện pháp vĩ mô thì lạm phát sẽ tăng lên”, ông Kiêm nói.

Lo ngại của ông Kiêm chính là vấn đề cắt giảm đầu tư công. Tính đến cuối tháng 5.2011, số vốn đầu tư công cắt giảm là 45.000 tỉ đồng. Nhưng vấn đề là phải làm rõ bao nhiêu vốn là của dự án đang triển khai, bao nhiêu của dự án chưa triển khai mới đánh giá được sát hơn về hiệu quả của cắt giảm đầu tư công.

Ở vị trí là cơ quan giám sát, ông Mai Xuân Hùng, Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Kinh tế của Quốc hội cũng bày tỏ quan ngại về lượng vốn đầu tư công cắt giảm còn xa thực tế, vì phần cắt giảm vẫn nằm trong các dự án chưa triển khai. Do vậy, mặc dù dự báo lạm phát năm nay khoảng 15%, nhưng ông Hùng cũng kèm theo một chữ “nếu”: mục tiêu lạm phát chỉ thành công nếu việc thực hiện Nghị quyết 11 cũng như cắt giảm đầu tư công hiệu quả.

Ông Huỳnh Thế Du, Giảng viên Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright cũng dự báo mức 15%, nhưng kèm cảnh báo nếu đầu tư công không siết chặt hiệu quả thì sẽ khó đạt. Thêm vào đó, ông Du lưu ý cần thận trọng trong việc nới lỏng tín dụng cho một số lĩnh vực mà nhiều chuyên gia kinh tế đang đề xuất có thể khiến lạm phát tăng cao hơn, bởi dù sao, tỉ lệ dư nợ tín dụng/GDP ở nước ta cũng đã quá lớn: 120%.

“Nếu đầu quý III mà nới lỏng tiền tệ thì lạm phát sẽ quay trở lại ngay, có thể tăng đến 20%”, ông Du dự báo.

Với dư địa lạm phát cho 7 tháng cuối năm chỉ là gần 3 điểm phần trăm, thì việc đưa ra các dự báo dè dặt và những cảnh báo như trên cũng là dễ hiểu.

Bài toán cần tính lại

Rõ ràng, phần lớn là quả bóng lạm phát đang ở trong chân của chi tiêu ngân sách. Ông Hùng, Ủy Ban Kinh tế của Quốc hội, lo ngại, nếu để cho các tỉnh tự cắt giảm đầu tư công thì đây là bài toán cần tính lại. Khi đã rót tiền cho các địa phương và họ đã duyệt dự án thì rất khó có thể cắt giảm. “Liệu có nên cắt giảm đầu tư công theo một tỉ lệ nhất định không cũng là vấn đề cần xem xét”, ông Hùng băn khoăn.

Đề xuất này là có cơ sở nếu nhìn vào chính sách tín dụng hiện nay. Ngân hàng nhà nước vẫn kiên quyết áp dụng mức trần tăng trưởng tín dụng 20%, rồi trần cho vay phi sản xuất đến cuối tháng 6.2011 là 22% tổng dư nợ, đến cuối năm còn 16%. Nhưng các con số gần đây cho thấy nhiều ngân hàng khó đạt được yêu cầu

trên. Thế nhưng, thông điệp của Thống đốc Nguyễn Văn Giàu rất rõ ràng, kiên quyết, đó là không gia hạn cho bất kỳ ngân hàng thương mại nào.

Cũng chung cách phân tích từ chính sách tín dụng, ông Du, Chương trình Fulbright, gợi ý rằng nên buộc các đơn vị sử dụng vốn Nhà nước phải cắt giảm đồng đều theo một tỉ lệ nhất định. Sau đó, sử dụng một phần vốn cắt giảm bù đắp cho những dự án mang tính cấp thiết. Như vậy sẽ triệt để và toàn diện hơn.

Song việc cắt giảm theo một tỉ lệ nhất định lúc này theo ông Kiêm là khó thực hiện, vì đã lấy phương pháp cắt giảm dự án dựa trên tiêu chí hiệu quả của dự án đó. Thế nhưng, "hiệu quả" lại là thước đo không dễ áp dụng, vì các doanh nghiệp nhà nước hay các địa phương sẽ sớm chuẩn bị những lý lẽ về hiệu quả để tiếp tục thực hiện các dự án đã khởi công.

Trong khi đó, để giảm cung tiền ra nền kinh tế thì phải cắt giảm cả những dự án đang thực hiện. Do vậy, ông Kiêm đề xuất, từ nay đến cuối năm cần giám sát và kiểm tra thường xuyên để buộc các địa phương và doanh nghiệp tuân thủ việc cắt giảm đầu tư.

Ông Hùng, Ủy Ban Kinh tế của Quốc hội, đề xuất nên giảm tỉ lệ bội chi ngân sách thêm nữa, xuống mức dưới 4% (mức mà Nghị quyết 11 đưa ra là không quá 5%). Theo ông, với GDP khoảng 110 tỉ USD trong năm nay, phương án này có thể giúp giảm thêm được khoảng 23.000 tỉ đồng.

Đề xuất này theo ông Kiêm là có thể thực hiện được bởi 2 lẽ. Thứ nhất, nguồn thu ngân sách năm nay tốt (5 tháng đầu năm, tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 227.200 tỉ đồng, bằng 44,6% dự toán năm). Thứ 2, Chính phủ đang thực hiện cắt giảm mạnh chi tiêu hành chính và đầu tư công. Kết hợp cả hai yếu tố lại, bội chi ngân sách sẽ giảm.

Bên cạnh đó, cũng có chuyên gia kinh tế cho rằng, nên đưa vốn trái phiếu Chính phủ vào bảng cân đối ngân sách nhà nước. Đồng thời, cần kiểm soát chặt vốn trái phiếu địa phương và trái phiếu doanh nghiệp. Bởi nếu chỉ cắt giảm vốn đầu tư từ ngân sách, mà không đồng thời siết chặt vốn trái phiếu thì chỉ là siết chỗ này, phình chỗ khác, cung tiền vẫn lớn và hiệu quả chống lạm phát không cao.

Theo **Vũ Dũng**
Nhịp Cầu Đầu Tư
http://nhipcaudautu.vn/article.aspx?id=9064

VII, Hệ lụy từ... EPC:

Câu chuyện về nhà thầu Việt luôn phải làm nhà thầu phụ, đặc biệt là các gói thầu EPC (tổng thầu thiết kế, cung ứng thiết bị, xây lắp) đã làm trăn trở không ít DN. Không những vậy, điều này sẽ để lại nhiều hệ lụy cho kinh tế đất nước. Về vấn đề này, TTKT xin trân trọng giới thiệu bài viết của TS Nguyễn Hữu Từ - Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Câu hỏi đặt ra liệu nhà thầu VN có vươn lên làm chủ thầu chính trong các gói thầu EPC hay không? Bài viết này đề cập một số vấn đề để cùng tìm ra giải pháp.

Hiệu quả thực sự

Qua nghiên cứu các gói thầu EPC trong những năm gần đây, đặc biệt là sau khi có Luật Đấu thầu, nổi lên một số vấn đề chính sau:

Thứ nhất, tỉ lệ các gói thầu EPC nhà thầu nước ngoài, trong đó, nhà thầu Trung Quốc trúng thầu rất lớn. Hầu hết các dự án nhiệt điện than, hoá chất, khai khoáng (chế biến Bau xít - nhôm, Alumin Nhân Cơ - Đăk Nông), luyện kim, xi măng, triển khai từ năm 2005 đến nay đều do các nhà thầu nước ngoài trúng thầu làm tổng thầu EPC. Từ năm 2003 đến nay, có 13 dự án nguồn điện (nhiệt điện than) do nhà thầu Trung Quốc làm tổng thầu EPC, chiếm gần 30% công suất toàn ngành điện. Ngành hoá chất có 6 dự án (đạm Urê, DAP) thì có tới 5 dự án do nhà thầu Trung Quốc làm tổng thầu EPC, chiếm 83%. Hiện có 2 dự án chế biến khoáng sản (Tổ hợp Bau xít - nhôm Lâm Đồng và dự án Alumin Nhân Cơ - Đăk Nông) thì cả 2 dự án đều do nhà thầu Trung Quốc làm tổng thầu EPC, chiếm 100%. Trong tổng số các dự án xi măng có 62 dây chuyền thì có 49 dây chuyền của Trung Quốc chiếm 79%; về công suất chiếm 49,6%.

Thứ hai, phần lớn các dự án do nhà thầu nước ngoài làm tổng thầu EPC thường bị kéo dài thời gian xây dựng, chậm tiến độ bàn giao so với hợp đồng. Các dự án này chậm từ 3 tháng đến 2 hoặc 3 năm. Chậm nhất như Dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân bón DAP Đình Vũ Hải Phòng, của Tập đoàn Hoá chất VN khởi công từ ngày 27/7/2003, cho đến nay sau 7 năm xây dựng nhưng chưa thể bàn giao. Dự án nhà máy Đạm Ninh Bình sau 20 tháng triển khai đến nay cũng chậm 6 tháng; các dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện do ngành than quản lý và chủ đầu tư như Nhiệt điện Cao Ngạn bị chậm 28 tháng, Nhiệt điện Sơn Động chậm 24 tháng, Nhiệt điện Nông Sơn chậm 20 tháng, Nhiệt điện Cẩm Phả 1 chậm 10 tháng, Nhiệt điện Cẩm Phả 2 chậm 3 tháng. Các dự án do ngành điện quản lý và chủ đầu tư như Nhiệt

điện Hải Phòng 1, 2 và Nhiệt điện Quảng Ninh 1, 2 đều chậm từ 18 - 24 tháng nhưng đến nay vẫn chưa thể bàn giao.

Thứ ba, chất lượng thiết bị trong gói thầu EPC không đồng đều, một số chất lượng thấp, ảnh hưởng đến chất lượng toàn bộ công trình và tiến độ triển khai. Phần lớn các thiết bị phụ trợ chất lượng thấp, phải thay thế.

Thứ tư, trong quá trình triển khai dự án, nhiều trường hợp nhà thầu đề nghị thay đổi các thiết bị so với cam kết ban đầu, gây ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị công trình. Thực tế ở một số nhà máy, trong quá trình thực hiện công tác mua sắm thiết bị, nhà thầu nước ngoài, chủ yếu là nhà thầu Trung Quốc thường đề xuất một số thay đổi tiêu chuẩn vật liệu và thay đổi hoặc bổ sung nhà cung ứng thiết bị, vật liệu.

Thứ năm, khi triển khai hình thức tổng thầu, phần thi công công trình là phần phải sử dụng nhiều lao động, bao gồm cả lao động kỹ thuật cao, lao động có tay nghề và lao động phổ thông. Tuy nhiên, nhiều nhà thầu EPC Trung Quốc không sử dụng lao động VN, kể cả lao động phổ thông.

Thời gian tổ chức đấu thầu thường bị kéo dài, gây lãng phí thời gian, tốn kém tiền bạc của chủ đầu tư và làm chậm tiến độ thực hiện, nhất là các công trình, dự án đòi hỏi hoàn thành nhanh để phát huy hiệu quả cho nền kinh tế.

Từ khi thực hiện Luật Đấu thầu thì phần lớn các dự án thường phải đấu thầu từ 2 lần trở lên mới chọn được nhà thầu, cá biệt có dự án kéo dài thời gian đấu thầu gần 3 năm. Các dự án về nguồn điện phải kéo dài thời gian xây dựng, chậm phát điện, trong khi, EVN vẫn phải mua điện của Trung Quốc với giá cao. Điều đó làm thiệt hại về kinh tế không chỉ cho ngành điện mà cho cả các ngành sản xuất khác do không đủ gây ra.

Đặc biệt là làm mất cơ hội cho phát triển công nghiệp phụ trợ trong nước và gia tăng tình trạng nhập siêu ở nước ta.

Công nghiệp phụ trợ phát triển được phải dựa vào việc phát triển các sản phẩm mang tính chuỗi giá trị, các sản phẩm phụ trợ gắn với các thiết bị và công nghệ chính. Việc các nhà thầu Trung Quốc trúng thầu kéo theo hệ quả là họ sử dụng các thiết bị phụ trợ do chính Trung Quốc sản xuất. Tỉ lệ thiết bị chính và phụ trợ được sản xuất tại Trung Quốc ngày càng gia tăng đang là thách thức và nguy cơ tiềm ẩn trong tương lai dẫn đến việc ta phải phụ thuộc Trung Quốc. Tình trạng này xảy ra không chỉ ở các thiết bị liên quan đến các dự án, công trình nhiệt điện, ngành xi măng mà còn cả thiết bị các ngành chủ lực khác như: cơ khí, luyện kim, hoá chất, khai khoáng... Điều đó cũng có nghĩa ta phải tăng nhập khẩu không chỉ thiết bị chính mà

cả các thiết bị phụ trợ đi kèm, gây khó khăn cho việc nâng cao tỉ lệ nội địa hoá các sản phẩm và làm gia tăng giá trị nhập siêu ở nước ta hiện nay. Hậu quả các DN trong nước sẽ ít cơ hội để phát triển, nhất là ngành công nghiệp phụ trợ, xây dựng, dịch vụ và lao động phổ thông.

Lý giải nguyên nhân

Trước hết, quy định pháp lý còn bất cập. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng các nhà thầu nước ngoài trúng thầu. Luật Đấu thầu (kể cả Nghị định hướng dẫn thực hiện) chưa được hoàn chỉnh và đồng bộ, đặc biệt một số điều, khoản của Luật Đấu thầu chú trọng về tiêu chí chọn thầu giá thấp. Trong quy định hiện nay, các nhà thầu nếu tiêu chí kỹ thuật đạt 70 - 80% thì ai trả giá thấp nhất được chọn thầu. Vấn đề khái niệm “trên cùng mặt bằng về kỹ thuật, tài chính, thương mại” chưa được làm rõ, dẫn đến việc một nhà thầu có điểm kỹ thuật 100% hơn nhà thầu có điểm kỹ thuật 70% (vượt ngưỡng) sẽ không được chọn nếu trả giá cao hơn.

Chưa có quy định ưu tiên lựa chọn thiết bị công nghệ hiện đại, công nghệ có có tiêu chuẩn cao (EU, Mỹ). Cụ thể ở khoản 5 Điều 12 quy định một số hành vi bị cấm trong đấu thầu: không được “...nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá cụ thể trong hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp hoặc gói thầu EPC…”. Tuy nhiên, vấn đề cấm không ghi xuất xứ của quốc gia nhưng phải có quy định về công nghệ tiêu chuẩn cao (EU, Mỹ) và đã từng được các quốc gia ở khu vực này sử dụng.

Điều này dẫn đến việc khi xây dựng các bài thầu, chủ đầu tư không thể yêu cầu trình độ công nghệ theo tiêu chuẩn khu vực và thế giới cụ thể. Với quy định hiện hành, nhà thầu có giá thấu thấp sẽ trúng thầu thì phần lớn các nhà thầu EPC của Trung Quốc đã thành công trong việc đưa ra giá dự thầu thấp. VN lại chưa có hệ số quy đổi thiết bị theo các nguồn gốc, xuất xứ khác nhau, do đó, khó đánh giá chất lượng và giá các thiết bị thay thế.

Vấn đề quy định năng lực nhà thầu được đặt ra là một tiêu chí đánh giá để chọn nhà thầu. Song hầu hết các chủ đầu tư chưa có thang điểm cụ thể, có các thông tin chính xác để xác định điểm về năng lực nhà thầu. Cũng lưu ý đây là con dao hai lưỡi: nếu đặt vấn đề này quá chặt thì các nhà thầu VN không thể tham gia dự thầu và không thể trúng thầu.

Bên cạnh đó, năng lực của chủ đầu tư còn hạn chế. Năng lực chủ đầu tư thể hiện đầu tiên ở việc xem xét lựa chọn đấu thầu EPC hay tách các phần công việc để có các gói thầu phù hợp với điều kiện ở VN đang là vấn đề. Nhiều chủ đầu tư không

đánh giá được các gói thầu thiết kế, xây lắp nhà thầu trong nước có thể thực hiện để lựa chọn cách thức đấu thầu EPC hay đấu thầu từng phần thiết kế, mua sắm thiết bị và xây lắp. Nhiều trường hợp, chủ đầu tư dù biết nhà thầu trong nước có khả năng thực hiện gói thầu xây lắp nhưng vì nhiều lý do vẫn cho đấu thầu theo EPC. Hơn nữa, nhiều chủ đầu tư của VN còn thiếu thông tin về năng lực nhà thầu, chưa coi trọng, xem xét kỹ lưỡng năng lực và kinh nghiệm triển khai, quản lý của nhà thầu. Đặc biệt chưa có kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, hàng hoá, dịch vụ cung ứng.

Sau khi trúng thầu, việc thương thảo và ký hợp đồng chưa chặt chẽ, chưa quyết liệt thực hiện các biện pháp chế tài xử lý vi phạm của nhà thầu, khi nhà thầu vi phạm. Đồng thời, chưa có chế tài đủ mạnh xử lý nghiêm các chủ đầu tư không thực hiện tốt chức năng của mình, làm thiệt hại đến lợi ích quốc gia.

Đặc biệt, các điều kiện để giúp các nhà thầu trong nước trúng thầu còn ít. So với các nhà thầu của Trung Quốc thì nhà thầu VN thiếu sự trợ giúp đắc lực của Chính phủ để bảo đảm cho việc thắng thầu trong nước. Đặc biệt là thiếu năng lực tài chính, cơ chế chính sách hỗ trợ vay vốn với chi phí thấp, thiếu bảo lãnh của các ngân hàng trong nước, nhất là ràng buộc giữa nhà thầu và nhà cung cấp vốn; cơ chế vay vốn và bảo lãnh tín dụng phức tạp mất nhiều thời gian, giải ngân chậm; thủ tục hành chính rườm rà...

Vấn đề ngoại tệ và tỉ giá cũng đang là cản trở của các nhà thầu trong nước. Trong khi các nhà thầu nước ngoài được phép chào thầu, thanh toán bằng ngoại tệ thì nhà thầu VN phải thực hiện bằng đồng VN.

8 giải pháp chính

Từ tình hình trên, chấn chỉnh công thác đấu thầu các dự án theo hình thức tổng thầu thiết kế, cung ứng thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình để hạn chế thiệt hại cho nền kinh tế, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất trong nước là cần thiết, nên chăng tập trung vào một số giải pháp sau:

1 - Cơ quan quản lý nhà nước cần đánh giá ngay tổng thể, toàn diện tình hình triển khai các dự án theo hình thức tổng thầu thiết kế, cung ứng thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình, nhất là các dự án do nhà thầu Trung Quốc làm tổng thầu EPC... Từ đó, tìm ra các nguyên nhân để chấn chỉnh và khắc phục.

2 - Xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh các các quy định pháp luật liên quan đến đấu thầu, phân cấp quản lý đầu tư. Xem xét điều chỉnh, bổ sung Luật Đấu thầu và các hướng dẫn kèm theo. Trong đó, phải có quy định tiêu chuẩn trúng thầu theo các yếu tố đồng bộ: giá dự thầu thấp; trình độ công nghệ cao; kinh nghiệm và trình

độ quản lý, năng lực thi công của nhà thầu; tiến độ triển khai; nâng mức phạt vi phạm hợp đồng.

3 - Vấn đề lớn là phải quan tâm đến chi phí trên 1 đơn vị lợi ích mang lại. Cụ thể có quy định đánh giá trên cơ sở so sánh giữa giá trả thầu trên 1 điểm kỹ thuật của từng nhà thầu; chi phí trên điểm năng lực... để chọn được nhà thầu vừa có kỹ thuật tốt nhất, năng lực triển khai tốt và giá thầu hợp lý.

4 - Chấn chỉnh lại công tác đấu thầu theo hình thức tổng thầu thiết kế, cung ứng thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình - EPC. Hạn chế việc đầu tư theo tổng thầu EPC; tăng mức chỉ định thầu theo quy định của Luật bổ sung, sửa đổi một số điều liên quan đến đầu tư xây dựng. Trong những trường hợp có thể tổ chức theo các hình thức tách các gói thầu thầu thiết kế - E; tổng thầu thi công xây dựng công trình - C; tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình – EC, các dự án mà nhà thầu VN đảm nhận được 70% thì không cần tổ chức đấu thầu quốc tế; hạn chế các dự án, công trình đấu thầu tổng thầu EPC để khuyến khích và tạo cơ hội cho DN VN tham gia.

5 - Có cơ chế bảo lãnh, hỗ trợ các nhà thầu trong nước về tài chính để bảo đảm năng lực tài chính. Khuyến khích liên danh, liên kết tham gia đầu thầu các dự án lớn. Xem xét vấn đề sử dụng đồng tiền VN trong đấu thầu và thanh toán các gói thầu.

6 - Sớm ban hành chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển công nghiệp phụ trợ để giảm bớt nhập siêu, đồng thời, chủ động thay thế máy móc thiết bị, phụ tùng nhập khẩu không để phụ thuộc nhiều vào nước ngoài, góp phần tăng trưởng kinh tế.

7 - Khẩn trương xây dựng hàng rào kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ, để hạn chế các công nghệ lạc hậu, công nghệ rác, công nghệ tiêu hao năng lượng...; xây dựng các tiêu chuẩn công nghệ đi đôi với các biện pháp tăng cường công tác dự báo, công tác thông tin công nghệ; tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng công nghệ của các dự án, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia, các dự án liên quan đến quy hoạch phát triển các ngành quan trọng.

8- Tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành chức năng trong việc quản lý nhà nước đối với các dự án đấu thầu. Có chế tài xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm luật đấu thầu; xử lý các trường hợp làm phương hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực đấu thầu. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp đối với chủ đầu tư, cán bộ trực tiếp làm công

tác đấu thầu. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quy trách nhiệm và xử lý nghiêm những người vi phạm quy định về đấu thầu.

Trên đây là một số vấn đề rút ra qua nghiên cứu tình hình tổ chức và triển khai các dự án ở một số ngành quan trọng theo hình thức EPC. Hi vọng rằng sẽ góp phần vào các suy nghĩ và giải pháp để nhà thầu VN có thể thắng thầu ở trong nước.

Theo *Diễn đàn doanh nghiệp*

VIII, Tin Vắn:

1, Hà Nội: 6 tháng đầu năm 2011 hút 875,1 triệu USD vốn FDI

6 tháng đầu năm Thành phố cấp mới 107 dự án, vốn đăng ký 414,4 triệu USD; tăng vốn cho 33 dự án với giá trị vốn 460,7 triệu USD.

Cục thống kê Hà Nội cho biết, 6 tháng đầu năm 2011, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư cấp mới và tăng vốn cho 140 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký ước đạt khoảng 875,1 triệu USD.
So với cùng kỳ năm 2010, vốn đầu tư tăng 6,7 lần (năm 2010 vốn đầu tư là 130 triệu USD). Trong đó, cấp mới 107 dự án, vốn đăng ký 414,4 triệu USD; tăng vốn cho 33 dự án với giá trị vốn 460,7 triệu USD.

Khánh Linh
Theo Cục Thống kê Hà Nội

2, Đến 16/6, FDI đăng ký vào Tp. Hồ Chí Minh đạt 1.464,4 triệu USD

Số dự án còn hiệu lực hoạt động có đến ngày 16/6 trên địa bàn thành phố là 4.019 dự án với tổng vốn đầu tư 31.326 triệu USD.

Từ đầu năm đến ngày 16/6 thành phố Hồ Chí Minh đã có 150 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký đạt 1.464,4 triệu USD, trong đó vốn điều lệ là 356,6 triệu USD.

- Theo hình thức đầu tư: 39 dự án liên doanh, vốn đầu tư 210,9 triệu USD và 111 dự án 100% vốn nước ngoài, vốn đầu tư 1.253,6 triệu USD.

- Chia theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp 20 dự án, vốn đầu tư 1.058,3 triệu USD; ngành xây dựng 19 dự án, vốn đầu tư 11,8 triệu USD; ngành thương mại 44 dự án, vốn đầu tư 133 triệu USD; ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn 58 dự án, vốn đầu tư 224,6 triệu USD…

- Theo đối tác đầu tư: Hàn quốc 30 dự án, vốn đầu tư 25,5 triệu USD; Singapore 26 dự án, vốn đầu tư 1.230,6 triệu USD; Nhật Bản 22 dự án, vốn đầu tư 22 triệu USD, Hoa kỳ 12 dự án, vốn đầu tư 11,6 triệu USD, Đài loan 4 dự án, vốn đầu tư 129,9 triệu USD, Hà Lan 5 dự án, vốn đầu tư 24,3 triệu USD, Brunei 1dự án, vốn đầu tư 5 triệu USD,…

Có 48 dự án điều chỉnh vốn đầu tư và vốn điều lệ, vốn đầu tư điều chỉnh tăng 177,3 triệu USD. Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đến ngày 16/6 đạt 1.641,7 triệu USD (cùng kỳ năm trước 857,9 triệu USD).

Số dự án còn hiệu lực hoạt động có đến ngày 16/6 trên địa bàn thành phố là 4.019 dự án với tổng vốn đầu tư 31.326 triệu USD.

Lộc Anh
Theo Cục thống kê TP.HCM

3, Doanh nghiệp Việt Nam được chuyển lỗ ở nước ngoài về nước

Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ ngày doanh nghiệp tiếp nhận khoản lỗ. Số lỗ được chuyển tối đa bằng số vốn đầu tư ra nước ngoài.

Bộ Tài chính dự kiến giảm gánh nặng về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài.

Theo đó, nếu dự án đầu tư tại nước ngoài vì lý do khách quan (thiên tai, địch hoạ, tai nạn bất ngờ …) phải chấm dứt hoạt động có phát sinh lỗ chưa được bù trừ hết mà doanh nghiệp Việt Nam phải gánh chịu thì được kê khai, bù trừ số lỗ này vào thu nhập chịu thuế từ kỳ tính thuế TNDN tiếp theo.

Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ ngày doanh nghiệp tiếp nhận khoản lỗ. Số lỗ được chuyển tối đa bằng số vốn đầu tư ra nước ngoài theo phê duyệt của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại thời điểm cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

Để được bù trừ số lỗ đầu tư ở nước ngoài, doanh nghiệp phải có bản sao giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài; giấy chứng nhận chấm dứt hoạt động; báo cáo tài chính được tổ chức kiểm toán độc lập/cơ quan thuế, tài chính tại nước đầu tư xác nhận; hợp đồng chuyển nhượng/thanh lý dự án và tài liệu chứng minh cho các giao dịch chuyển nhượng/thanh lý diễn ra tại nước ngoài...

Ngoài ra, doanh nghiệp phải có giấy xác nhận số thuế đã nộp, số thuế được trả thay, số thuế được miễn, giảm, số lỗ đã được chuyển, số lỗ chưa được chuyển của hoạt động kinh doanh các năm tài chính trước.

Theo Thông tư 11/2010/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài hiện hành, máy móc, thiết bị, bộ phận rời và vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu (trừ tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến) xuất khẩu ra nước ngoài để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại nước ngoài được áp dụng thuế VAT với thuế suất 0%, được khấu trừ thuế VAT đầu vào như hàng hoá xuất khẩu.

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài có thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại nước ngoài, thực hiện kê khai và nộp thuế TNDN theo quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư (nếu có), Luật thuế TNDN của Việt Nam, kể cả trường hợp doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN theo quy định của nước nhận đầu tư.

Mức thuế suất thuế TNDN để tính và kê khai thuế đối với các khoản thu nhập từ nước ngoài là 25%, không áp dụng mức thuế suất ưu đãi (nếu có) mà doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đang được hưởng theo Luật thuế TNDN hiện hành.

Trường hợp khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài đã chịu thuế TNDN (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế TNDN) ở nước ngoài, khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài hoặc đã được đối tác nước tiếp nhận đầu tư trả thay (kể cả thuế đối với tiền lãi cổ phần), nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định của Luật thuế TNDN của Việt Nam.

*Theo **Mạnh Bôn***
Báo Đầu Tư

4, Vương quốc Bỉ tăng gấp đôi viện trợ ODA cho Việt Nam

Chiều 22/6, tại Trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã diễn ra Lễ ký kết Hiệp định Hợp tác mới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Bỉ.

Đại diện Chính phủ hai nước là ông Cao Viết Sinh, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam; ông Peter Moore, Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Hợp tác Phát triển Vương quốc Bỉ và ông Geert Muylle, Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Hợp tác Song phương và các vấn đề kinh tế Vương quốc Bỉ đã ký Biên bản Kỳ họp lần thứ I Ủy ban Hỗn hợp Việt - Bỉ về hợp tác kinh tế; thông qua Chương trình Hợp tác Định hướng giai đoạn 2011-2015 giữa Việt Nam và Bỉ.

Trước đó, ngày 21-6, Kỳ họp lần thứ VI Ủy ban Hỗn hợp Việt - Bỉ về Hợp tác Phát triển cũng đã diễn ra tại Trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo kết quả cuộc họp, Chính phủ hai nước đã thỏa thuận chương trình hợp tác định hướng với khoản viện trợ không hoàn lại từ Vương quốc Bỉ trị giá 60 triệu Euro (tương đương 86,4 triệu USD), tăng gần gấp đôi so với khoản viện trợ trị giá 32 triệu Euro trong giai đoạn 2007-2010 tập trung trong các lĩnh vực "Nước và Vệ sinh môi trường" và "Quản lý Nhà nước". Phát biểu tại cuộc họp báo sau lễ ký kết, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ông Cao Viết Sinh cho biết kỳ họp đầu tiên Ủy ban Hỗn hợp về Hợp tác Kinh tế đã diễn ra tích cực và thành công, và đã cụ thể hóa những đề xuất và sáng kiến của Thủ tướng hai nước. Thứ trưởng cũng nhận định trong thời gian qua hợp tác thương mại đầu tư giữa Việt Nam và Bỉ mặc dù có những tiến bộ đáng mừng, tuy nhiên hợp tác kinh tế giữa hai nước vẫn còn dưới tiềm năng. Ông Peter Moore, Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Hợp tác Phát triển Vương quốc Bỉ cho biết, trong bối cảnh Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình và cuối năm nay, Quốc hội Việt Nam sẽ thông qua Chiến lược phát triển Kinh tế thời kỳ mới giai đoạn 2011-2015, Ủy ban Hỗn hợp hai nước đã thảo luận và thống nhất điều chỉnh chương trình hợp tác song phương giữa hai nước cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế mới.

Lãnh đạo hai nước xác định bên cạnh mục tiêu xóa đói giảm nghèo, chương trình hợp tác định hướng mới cần tập trung đối phó các thách thức mới như biến đổi khí hậu, thiếu nguồn nhân lực chất lượng, phát triển kinh tế xanh, bình đẳng giới. Dự kiến chương trình sẽ phân bố 30 triệu Euro cho lĩnh vực nước và vệ sinh môi trường để ứng phó và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu tại ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Hà Tĩnh.

*Theo **Anh Ngọc***
Hà Nội Mới

5, Nhật Bản khẳng định không giảm ODA cho Việt Nam:

Nhật Bản đã khẳng định sẽ tiếp tục duy trì ODA cho Việt Nam dù Nhật Bản có những khó khăn nhất định vì Việt Nam là một đối tác quan trọng của Nhật Bản trong khu vực. Ngày 14/6 Công hàm trao đổi khoản tín dụng ưu đãi đợt 1 tài khoá 2011 của Chính phủ Nhật Bản dành cho Việt Nam đã được ký kết. Trao đổi với phóng viên Báo Đầu tư, ông Nguyễn Xuân Tiến, Phó vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, các đợt ký kết tiếp theo sẽ được xác định sau khi đoàn thẩm định của Nhật Bản tới Việt Nam xem xét danh mục dự án mới đề xuất.

Khoản tín dụng ưu đãi này sẽ dành cho các dự án nào, thưa ông?

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Võ Hồng Phúc và Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam Yasuaki Tanizaki sẽ ký Công hàm trao đổi khoản tín dụng ưu đãi trị giá 58,18 tỷ yên dành cho Dự án xây dựng đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây (có tổng vốn đầu tư 932,4 triệu USD, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản và Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB) và Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (tổng vốn đầu tư 1.472 triệu USD, gồm vốn ODA của Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới (WB) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam).

Hai dự án trên đều thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam. Ngày 15/6/2011, Hiệp định vay vốn cũng sẽ được Bộ Tài chính và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) ký kết.

Thưa ông, với những động thái như vậy, có thể hiểu, Chính phủ Nhật Bản không cắt giảm ODA dành cho Việt Nam?

Đúng vậy. Trong chuyến thăm chính thức Nhật Bản mới đây của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Võ Hồng Phúc, phía Nhật Bản đã khẳng định sẽ tiếp tục duy trì ODA cho Việt Nam dù Nhật Bản có những khó khăn nhất định vì Việt Nam là một đối tác quan trọng của Nhật Bản trong khu vực.

Ngay sau thảm họa thiên tai lớn xảy ra ngày 11/3/2011, Chính phủ Nhật Bản, thông qua Bộ Ngoại giao Nhật Bản, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, đã khẳng định với Chính phủ Việt Nam rằng, Nhật Bản cam kết duy trì viện trợ song phương cho Việt Nam.

Trước đó, hồi tháng 10/2010, trong chuyến thăm Việt Nam, Thủ tướng Nhật Bản Naoto Kan cũng cam kết tiếp tục hỗ trợ ODA cho Việt Nam để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn, như là xây dựng sân bay, bến cảng, đường quốc lộ, đường cao tốc Bắc - Nam…

Đó là những dự án đã cam kết, thưa ông?

Cuối tháng 5 vừa qua, tại Hà Nội, Hội nghị đối thoại chính sách giữa Việt Nam và Nhật Bản đã xây dựng các dự án mới mà Nhật Bản có khả năng viện trợ cho Việt Nam trong tài khoá mới.

Ba dự án sẽ được xem xét là Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam (đoạn Bến Lức - Long Thành), Dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam (Khu công nghệ cao Hoà Lạc) và tiếp tục cung cấp ODA cho Nhà máy Điện Nghi Sơn (Thanh Hóa).

Dự kiến, quý III/2011, phía Nhật Bản sẽ cử đoàn chuyên gia sang thẩm định các dự án mới trước khi quyết định các thủ tục tiếp theo.

Bên cạnh đó, Việt Nam và Nhật Bản cũng đã thống nhất sẽ tiếp tục thảo luận để sớm thống nhất việc ký kết Công hàm trao đổi tín dụng ưu đãi cho Dự án phát triển cơ sở hạ tầng Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

*Theo **Bảo Duy Báo Đầu Tư***

6, Hàn Quốc xây dựng chiến lược hợp tác ODA với Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015:

Hàn Quốc là hiện là đối tác viện trợ ODA lớn thứ 2 của Việt Nam. Năm 2011, kế hoạch viện trợ ODA cho các dự án là 215 triệu USD. Ngày 8/6 tại Hà Nội, Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam tổ chức họp báo thông báo tình hình hợp tác phát triển giữa Việt Nam và Hàn Quốc; hoạt động của doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam thời gian qua. Tại họp báo, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Hàn Quốc tại Việt Nam, ngài Ha Chan Ho nhấn mạnh, mối quan hệ hai nước đã thu được những kết quả đáng kể, hai bên đã nhất trí nâng quan hệ lên tầm đối tác hợp tác chiến lược. Đại sứ mong muốn phát triển mối quan hệ hai nước lên tầm cao mới trong thời gian tới.

Tính đến năm 2010, Hàn Quốc là đối tác viện trợ ODA lớn thứ 2 của Việt Nam với số vốn đã phê duyệt 1,255 tỷ USD. Riêng năm 2011, Hàn Quốc có kế hoạch viện trợ 215 triệu USD cho các dự án: trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đà Nẵng, nhà máy điện năng lượng mặt trời tại Quảng Bình; trung tâm thông tin dữ liệu điện tử Chính phủ; hệ thống cấp thoát nước cho Thành phố Long Xuyên (An Giang); vốn vay cho Chương trình chống biến đổi khí hậu; bệnh viện Đa khoa Lào Cai.

Hiện nay, Hàn Quốc đã xây dựng chiến lược hợp tác ODA với Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm: chuẩn bị nền tảng của sự tăng trưởng bền vững, môi trường và tăng trưởng xanh; đào tạo nguồn nhân lực; tăng cường cơ sở hạ tầng giao thông làm nền tảng cho sự tăng trưởng kinh tế; các lĩnh vực đặc thù, quan tâm đến Dự án phát triển nông thôn, tăng cường năng lực thể chế, y tế.

Nhân dịp này, Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam đã trao 141 triệu đồng (số tiền thu được từ Lễ hội ẩm thực Hàn Quốc - tháng 11/2010) cho bà Bùi Thị Thanh, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, để hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

http://baodautu.vn/portal

7, Giảm tỷ lệ đầu tư ngoài ngành của DN có vốn Nhà nước từ 30% xuống 15%:

Dự thảo mới của BTC sẽ quy định tỷ lệ vốn đầu tư ra ngoài của các DN có vốn nhà nước giảm còn 15% tổng nguồn vốn đầu tư so với tỷ lệ hiện nay là 30%.

Theo Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính, tuy cơ quan quản lý đã yêu cầu các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước rút vốn đầu tư khỏi ngành nghề không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính, nhưng không được chấp hành nghiêm túc.

Với dự thảo nghị định quản lý, sử dụng vốn và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước mà Bộ Tài chính đang xây dựng, Chính phủ sẽ hạn chế việc các tập đoàn, tổng công ty "xé rào" đầu tư ngoài ngành vào các lĩnh vực rủi ro cao như chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản….

Giảm 50% vốn đầu tư ngoài ngành

Một số doanh nghiệp "xé rào" cho rằng, nguyên nhân của tình trạng trên do yếu tố khách quan.

Bà Phạm Nguyên Hạnh, Phó tổng giám đốc Tập đoàn dệt may Việt Nam, thừa nhận, tập đoàn có đầu tư vào Ngân hàng Á Châu nhưng chưa thể thoái vốn do thị trường tài chính, chứng khoán không thuận lợi. Nếu cơ quan quản lý buộc các doanh nghiệp thoái vốn vào thời điểm hiện nay, thì dẫn đến thua lỗ, không đảm bảo được yêu cầu bảo toàn vốn.

Với lập luận trên, việc xử lý các tập đoàn, tổng công ty đầu tư trái ngành dường như đi vào… ngõ cụt!

Để không lặp lại tình trạng tương tự trong thời gian tới, Phó cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp Đặng Quyết Tiến cho biết, Bộ Tài chính đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định về quản lý, sử dụng vốn và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Theo đó, sẽ quy định tỷ lệ vốn đầu tư ra ngoài của các doanh nghiệp này giảm còn 15% tổng nguồn vốn đầu tư so với tỷ lệ hiện nay là 30%.

Tăng giám sát tài chính

Ngoài ra, Bộ Tài chính xác định, cần ban hành quy chế giám sát tài chính cho doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu, để việc thực hiện cơ chế giám sát tập trung, hiệu quả hơn.

Đối với doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước, cơ quan quản lý sẽ giám sát thông qua người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và theo quy định của

Luật Doanh nghiệp, điều lệ và quy chế tài chính của doanh nghiệp. Cơ chế giám sát áp dụng cho cả doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

Theo nhận định của ông Tiến, công tác giám sát tài chính các tập đoàn, tổng công ty còn nhiều hạn chế.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp là các bộ, UBND cấp tỉnh... mới tập trung phân loại, đánh giá xếp loại doanh nghiệp theo "A, B, C" làm cơ sở trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, mà chưa chú trọng giám sát "sức khoẻ" tài chính. Do đó, một số doanh nghiệp vi phạm trong quản lý vốn và tài sản Nhà nước nhưng chưa được phát hiện và có biện pháp chấn chỉnh. Việc giám sát doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ chưa có kết quả, nên thua lỗ kéo dài, lỗ luỹ kế gia tăng.

Thứ trưởng Bộ Tài chính Trần Văn Hiếu cho biết thêm, bộ này đang nghiên cứu đưa ra các quy định theo hướng nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong chấp hành các quy định đối với việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản. Giúp các chủ sở hữu DN và cơ quan quản lý về tài chính DN kịp thời phát hiện yếu kém trong quá trình hoạt động kinh doanh, để có cảnh báo và đề ra biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Đặc biệt, Chính phủ sẽ tăng cường chế tài xử lý cụ thể đối với ban lãnh đạo doanh nghiệp, chủ sở hữu và cơ quan quản lý khi vi phạm, hoặc không hoàn thành nhiệm vụ giám sát tài chính doanh nghiệp.

*Theo **Thanh Vân***
http://cafef.vn

8, Ưu tiên lao động Việt Nam trong các gói thầu ngoại:

Nếu trong thời hạn quy định mà không tuyển được lao động Việt Nam thì mới xem xét cho nhà thầu ngoại tuyển lao động nước ngoài vào vị trí đó. Cụ thể, trong quá trình lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, chủ đầu tư phải quy định nội dung về việc sử dụng người lao động Việt Nam và người nước ngoài theo quy định của pháp luật, trong đó phải ưu tiên sử dụng người lao động Việt Nam thực hiện các công việc mà người lao động Việt Nam có khả năng thực hiện.

Trường hợp gói thầu cần sử dụng người nước ngoài có chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu thì trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của gói thầu phải quy định nhà thầu nước ngoài có phương án sử dụng người nước ngoài bao gồm: vị trí công việc, số lượng, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, thời gian thực hiện công việc.

Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu nước ngoài phải có phương án sử dụng người lao động Việt Nam và người nước ngoài theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu nước ngoài. Trong thời hạn tối đa 60 ngày, đối với đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và 30 ngày, đối với đề nghị tuyển dưới 500 lao động Việt Nam mà không giới thiệu hoặc cung ứng người lao động Việt Nam được cho nhà thầu nước ngoài theo đề nghị nêu trên thì Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định việc cho phép nhà thầu nước ngoài được tuyển người nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam. Nghị định nêu rõ, định kỳ hằng quý, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an và các cơ quan có liên quan kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam đối với người nước ngoài làm việc tại các dự án, gói thầu do nhà thầu nước ngoài trúng thầu trên địa bàn. Nghị định 46/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 1/8/2011.

*Theo **Hoàng Diên***
Chinhphu.vn

Phụ trách chuyên mục: PGS.TS. Phạm Văn Hùng
Ths. Lương Hương Giang
CN. Nguyễn Duy Tuấn
Địa chỉ email: hungpv@neu.edu.vn